

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Số 35 Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Tel: 0241. 3895 111 Fax: 0241. 3825 496

Website: www.dabaco.com.vn

Email: contact@dabaco.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2015

Ngày 20/02/2016

VIẾT TẮT

BCTN: Báo cáo thường niên

CTCP: Công ty cổ phần

HĐQT: Hội đồng quản trị

BTGD: Ban tổng giám đốc

BKS: Ban kiểm soát

Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam

NỘI DUNG

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

GIỚI THIỆU CÔNG TY

05

22

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2015

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

37

42

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

QUẢN TRỊ CÔNG TY

46

54

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất Thức ăn chăn nuôi, giống gia súc gia cầm và chế biến thực phẩm.

Sứ mệnh

Kiểm soát chuỗi giá trị trong ngành nông nghiệp - thực phẩm, cung cấp cho người tiêu dùng và thị trường những sản phẩm sạch, an toàn.

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam luôn chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh, kiểm soát rủi ro để vượt qua thách thức, tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và mục tiêu chiến lược của công ty. Toàn thể cán bộ, nhân viên Công ty đoàn kết, sáng tạo, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu đề ra.

Kính thưa Quý cổ đông !

Năm 2015 tình hình kinh tế trong nước và thế giới đã có sự tăng trưởng trở lại, cũng là năm ghi dấu ấn với hàng loạt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia bắt đầu có hiệu lực.

Đứng trước những vấn đề hội nhập toàn cầu của Việt Nam, ngay từ đầu, Ban lãnh đạo Tập đoàn đã xác định phải xây dựng thế mạnh cạnh tranh cả về chất và lượng, từ đó không ngừng đổi mới phương thức quản lý, đầu tư mở rộng các cơ sở sản xuất kinh doanh, đẩy mạnh hoạt động nghiên ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ cao vào sản xuất, chăn nuôi, liên tục cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh trên thị trường.

Vượt qua những khó khăn và thách thức, tận dụng những cơ hội, năm 2015, hầu hết các đơn vị trong Công ty đều hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra, các chỉ tiêu kết quả SXKD của Công ty đạt cao nhất từ trước đến nay.

Năm 2016 là năm đánh dấu cột mốc 20 năm xây dựng và phát triển Công ty, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV – lao động với tinh thần dám nghĩ, dám làm, quyết tâm vượt qua những thách thức, nắm bắt cơ hội, hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 và những nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao.

Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và toàn thể CBCNV Tập đoàn DABACO Việt Nam, tôi chân thành cảm ơn Quý cổ đông, đối tác, bạn hàng đã tin nhiệm, đầu tư và đồng hành cùng DABACO.

Xin kính chúc Quý cổ đông nhiều thành công, thịnh vượng.



NGUYỄN NHƯ SƠ
Chủ tịch Hội đồng quản trị



GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

- Quá trình hình thành và phát triển
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro



Tên giao dịch:	Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
Giấy CNĐKDN số:	2300105790 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, thay đổi lần thứ 15 ngày 06/05/2015
Vốn điều lệ:	627.419.230.000 đồng
Vốn đầu tư chủ sở hữu:	1.946.447.536.231 đồng
Địa chỉ:	Số 35 đường Lý Thái Tổ, TP.Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Số điện thoại:	0241 3826077 - 3895111
Số fax:	0241 3896000 - 3825496
Email:	contact@dabaco.com.vn
Website:	www.dabaco.com.vn
Mã cổ phiếu:	DBC
Sàn niêm yết:	Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1996-1997

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được thành lập ngày 29/3/1996 (tên gọi đầu tiên là Công ty Nông sản Hà Bắc).

Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc DABACO với công suất 5 tấn/giờ tại xã Võ Cường, Bắc Ninh và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

1998

Thành lập Chi nhánh công ty tại Hà Nội và Cửa hàng xăng dầu tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2000

Thành lập Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

2002

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS công suất 30 tấn/giờ. Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp gà giống gốc ông bà siêu trứng tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2003

Khánh thành Xí nghiệp lợn giống hương nạc Thuận Thành.

2004

Khánh thành Trụ sở của Công ty tại số 35 đường Lý Thái Tổ, Bắc Ninh. Thành lập Xí nghiệp ngân giống Pháp tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2005

Khánh thành Nhà kho và Nhà xử lý nguyên liệu tại xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh.

Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 1316 QĐ/CT ngày 10/08/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

2006

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc 4 tấn/giờ. Thành lập Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công và Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ.

2007

Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Bắc Ninh, Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi, Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc.

2008

Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco, Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco, Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco và Trung tâm chẩn đoán thú y Dabaco.

Ngày 18/3/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.



Ngày 29/4/2008, đổi tên thành Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

2009

Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco công suất 25 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh; Siêu thị Dabaco tại phố Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

Phát hành thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để sáp nhập Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang và phát hành cho cổ đông chiến lược, nâng vốn điều lệ của công ty lên 254.466,6 triệu đồng tương đương 25.446.660 cổ phần.

2010

Đưa vào hoạt động Nhà máy chế biến thịt gà, thành lập Công ty TNHH Bất động sản Dabaco, Công ty TNHH ĐTXD&PT Hạ tầng Dabaco, Trung tâm thương mại Dabaco tại Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO.

Để nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thành lập Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, và tái cơ cấu lại một số đơn vị thành viên, chuyển một số đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty TNHH một thành viên, sáp nhập Xí nghiệp ngân giống Pháp vào Công ty TNHH ĐT&PT chăn nuôi gia công.

2011

Công ty hoàn tất đợt phát hành 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi nâng vốn điều lệ của Công ty lên 436.111.000.000 đồng tương đương 43.611.100 cổ phần.

Thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco và các doanh nghiệp dự án để thực hiện các dự án theo hình thức BT gồm: Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh, Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL 295B Từ Sơn.

Chấm dứt hoạt động Chi nhánh tại Hà Nội.

Tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/3/2011, Công ty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam.

2012

Ngày 14/02/2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 484.099.600.000 đồng tương đương 48.409.960 cổ phần.

Thành lập doanh nghiệp dự án Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh.

Khánh thành Nhà máy chế biến TACN Dabaco Hoàn Sơn công suất 5 tấn/h chuyên sản xuất thức ăn heo con tại huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

2013

Ngày 14/02/2013, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 1.872.794 trái phiếu thành 14.331.963 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 627.419.230.000 đồng tương đương 62.741.923 cổ phần.

Giải thể Công ty cổ phần thủy sản CSC Dabaco và chuyển toàn bộ số vốn góp sang đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia súc, gia cầm Dabaco.

Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu gà 9 cựa Dabaco; Trung tâm nghiên cứu ứng dụng và phát triển giống gia cầm Dabaco; Nhà máy sản xuất con giống gia cầm; Xí nghiệp gà đẻ trứng của Công ty ĐT&PT chăn nuôi gia công.

2014

Khai trương Siêu thị Dabaco Gia Bình tại Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, Bắc Ninh.

Đưa vào hoạt động dây chuyền xử lý trứng tự động được nhập khẩu của hãng MOBA – Hà Lan, với các công đoạn xử lý tự động qua các khâu: Rửa trứng – Làm khô – Khử trùng bằng tia cực tím – Soi trứng – Cân, phân loại trứng – In ngày sản xuất và đóng gói sản phẩm. Nhờ vậy, sản phẩm có độ đồng đều cao và đảm bảo chất lượng, an toàn hơn cho người sử dụng.



Dây chuyền xử lý trứng tự động

2015

Thành lập Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng, Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ, Công ty TNHH đầu tư phát triển Khu công nghiệp EIP.

Đầu tư xây dựng Trung tâm công nghệ sinh học Dabaco.

CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU



Trong quá trình hoạt động và phát triển, ban lãnh đạo công ty không ngừng nỗ lực nhằm phát triển Công ty hội nhập vào xu thế mới. Từ năm 1996 đến nay, Công ty đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý, cụ thể:

2000	Huân chương lao động hạng ba
2004	Chủ tịch nước phong tặng danh hiệu Anh hùng thời kỳ đổi mới
	Giải thưởng Sao Vàng Đất Việt
2005	Cúp Vàng “Thương hiệu và Nhân hiệu”
	Cúp vàng Sản phẩm Uy tín Chất lượng cho sản phẩm TĂCN Topfeeds, Dabaco
2007	Huân chương lao động hạng nhì
	Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam – Thương hiệu Vàng chất lượng”
	Giải thưởng “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển”

	Cúp vàng Chất lượng hội nhập cho sản phẩm TA đậm đặc cho lợn
	Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao cho ngành TACN
	Cúp Vàng Topten ngành hàng Thương hiệu Việt uy tín – chất lượng cho TACN cao cấp Topfeeds
	Giải thưởng “Doanh nhân, doanh nghiệp tiêu biểu Việt Nam Vàng”
2008	Chứng nhận hàng Nông Lâm Thủy sản Việt Nam chất lượng cao và uy tín thương mại
	Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng"
	Giải thưởng Thương hiệu Việt Hội nhập WTO
	Cúp vàng cho sản phẩm Thức ăn đặc biệt cho lợn con tập ăn
	Giải thưởng - Cúp Vàng "Thương hiệu chứng khoán uy tín & Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam"
2009	Top 50 thương hiệu chứng khoán uy tín trên TTCK Việt Nam
	Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển"
	Giải thưởng "Bông lúa vàng Việt Nam - Thương hiệu Vàng chất lượng"
2010	Giải thưởng "Doanh nghiệp Hội nhập và Phát triển"
	Giải thưởng Doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu 1.000 năm
	Chứng nhận "Thương hiệu Việt" cho sản phẩm thức ăn hỗn hợp Topfeeds
	Top 500 thương hiệu Việt hàng đầu Việt Nam 2010
2011	Giải thưởng "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng"
	Top 100 hàng Việt Nam tin dùng
	Chứng nhận sản phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm đạt danh hiệu "Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng"
Các năm 2008,2009,2010, 2011,2012	Chứng nhận 500 Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam
Các năm từ 2000 đến 2006, từ năm 2009 đến 2012	Giải thưởng Chất lượng Việt Nam
2012	Huân chương lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng Giải Vàng Chất lượng Việt Nam Top 1000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất 2012 Top 15 cổ phiếu trên sàn HNX được niêm yết trên Sở GD&ĐT Asean (Asean Star) và Top 30 cổ phiếu có tính thanh khoản cao nhất trên sàn Hà Nội (HNX 30)

2013	Giải thưởng Asian Feed Miller of the Year 2013
2014	Top 100 Sản phẩm, dịch vụ Việt Nam được tin dùng năm 2014
	Top 30 Doanh nghiệp minh bạch nhất HNX 2013 - 2014 và Top 15 Doanh nghiệp đóng góp tích cực cho TTCK tại HNX từ năm 2009 – 2014
	Giải thưởng Công ty quản lý, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi theo chuỗi tốt nhất do Cục Chăn nuôi trao tặng
	Doanh nghiệp văn hóa vì cộng đồng (Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, Trung tâm Văn hóa doanh nhân trao tặng)
2015	Huân chương lao động hạng Nhất (lần 2)
	Danh hiệu “Doanh nghiệp vì nhà nông” và Giải thưởng “Bông lúa vàng Việt Nam” cho sản phẩm “Giống Gà Ja – Dabaco” (Bộ Nông nghiệp & PTNT trao tặng).
	Top 50 thương hiệu có giá trị lớn nhất Việt Nam năm 2015 do Tổ chức định giá Brand Finance (Anh) bình chọn.
	Giải thưởng sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu năm 2014 đối với sản phẩm “Trứng Gà Dabaco Omega 3”.
	Cờ Công đoàn cơ sở vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc năm 2015 của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam
	Cờ đơn vị thi đua xuất sắc phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc của Bộ Công an

2. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ *Ngành nghề kinh doanh chính:*

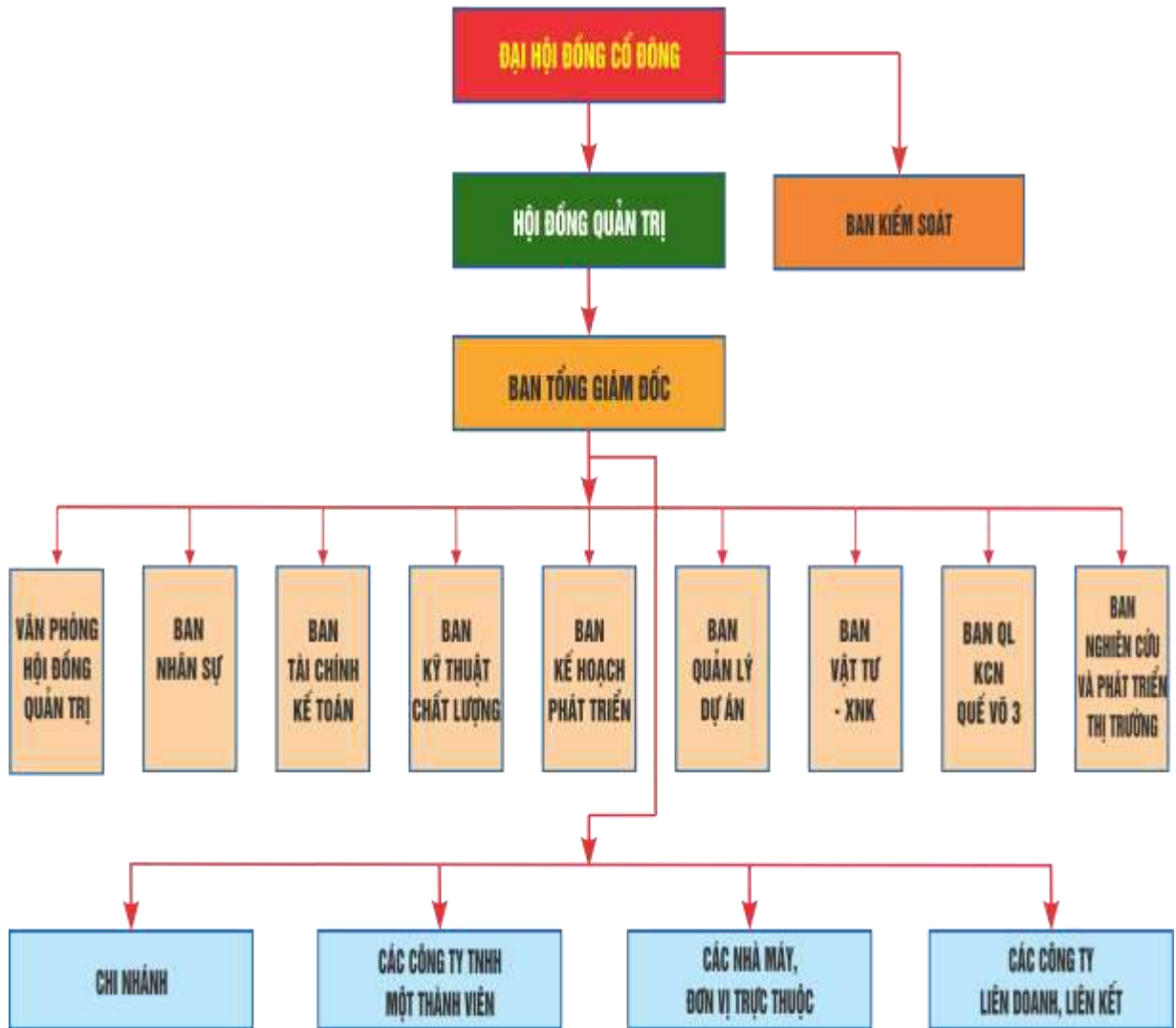
- Sản xuất thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Sản xuất, lai tạo giống gia súc, gia cầm;
- Chăn nuôi gia công lợn, gà thương phẩm;
- Giết mổ, chế biến thực phẩm;
- Sản xuất bao bì, kinh doanh dịch vụ, thương mại...;

❖ *Địa bàn hoạt động kinh doanh chính:*

Công ty cung cấp ra thị trường toàn quốc các sản phẩm thức ăn chăn nuôi, con giống đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

3. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



DABACO được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Nhờ vào nền tảng kinh nghiệm cùng với khả năng quản lý, điều hành mang tính đột phá của Ban lãnh đạo, đã thúc đẩy công ty ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. DABACO gồm các nhà máy, công ty TNHH một thành viên, đơn vị trực thuộc phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh doanh.

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3821243 Fax: 0241.3737526



Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3829434 Fax: 0241.3829759



Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3825111 Fax: 0241.3825112



Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi DABACO Hoàn Sơn

Địa chỉ: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi

Điện thoại: 0241.3848202 Fax: 0241.3848201



Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, TP.HCM

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh nguyên liệu chế biến sản xuất TACN;

Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông, công nghiệp; ...

Điện thoại: 08 54318385 Fax: 08 54317382



Trung tâm Chẩn đoán thú y DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động thú y, chẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật, tiêm chủng, dịch vụ thú y lưu động.

Điện thoại: 0241.3717358 Fax: 0241.3717359



Cửa hàng xăng dầu

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý và kinh doanh xăng dầu.

Điện thoại: 0241.3723671



CÔNG TY TNHH MTV DO DABACO LÀM CHỦ SỞ HỮU

Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công

Địa chỉ: Cụm công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.723523 Fax: 0241.723524



Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi.

Chăn nuôi lợn, lợn thịt, lợn sữa, lợn giống.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724320 Fax: 0241.3724321



Công ty TNHH Lợn giống DABACO

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và hoạt động hỗ trợ chăn nuôi.

SX và KD mua bán lợn, lợn giống. Chăn nuôi lợn thịt. Chăn nuôi lợn sữa.

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3721988 Fax: 0241.3721989



Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và kinh doanh giống gia cầm.

Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3723713 Fax: 0241.3723764



Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn. SXKD lợn giống, lợn thịt, tinh lợn. Hoạt động dịch vụ chăn nuôi.

Vốn điều lệ: 26.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3723938 Fax: 0241.3723522



Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân DABACO

Địa chỉ: Xã Tân chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Chăn nuôi gs, gc. SXKD lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò. Sản xuất, nuôi giữ đàn lợn giống gốc.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3721649 Fax: 0241.3721648



Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề KD chính: Giết mổ, chế biến, bảo quản thịt gia súc, gia cầm. Đóng gói và đóng hộp: Thịt hộp, xúc xích, Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn: SX món ăn sẵn từ thịt gia cầm, thịt đông lạnh hoặc thịt tươi; Sản xuất thịt hầm
Đóng hộp và thức ăn chuẩn bị sẵn trong các đồ đựng chân không.

Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724343 Fax: 0241.3724296



Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DABACO

Địa chỉ: Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, KD rau an toàn ứng dụng công nghệ cao

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3724138 Fax: 0241.724126



Công ty TNHH MTV Thương Mại Hiệp Quang

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composit; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu, vi lượng, khoáng, chất bổ sung, hóa chất dùng cho sản xuất thức ăn chăn nuôi,....

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0241.3717256 Fax: 0241.717269



Công ty TNHH MTV DABACO Tây Bắc

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, Hòa Bình.

Ngành nghề chính: Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; SX tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Chế biến và bảo quản rau quả; Chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; Bán buôn, bán lẻ: Thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng

Điện thoại: 0218 3843943

Fax: 0218 3843943



Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất TACN, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại, ...
Vốn điều lệ: 17.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3717388 Fax: 0241.3717377



Siêu thị Dabaco:

Địa chỉ: Phố Lạc Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.3720999 Fax: 0241.3720979

Trung tâm thương mại DABACO

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.3737989 Fax: 0241.3737969

Trung tâm thương mại DABACO Nguyễn Cao

Địa chỉ: Đường Nguyễn Cao, P Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.3692666

Siêu thị Dabaco Gia Bình

Địa chỉ: Thị trấn Đông Bình, huyện Gia Bình, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại: 0241.3670799



Công ty TNHH Bất động sản DABACO

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh Bất động sản, kinh doanh dịch vụ tư vấn, mô giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sàn giao dịch bất động sản, ...
Vốn điều lệ: 70.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3875636 Fax: 0241.3875535



Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng DABACO

Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị ngành xây dựng, ...
Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3813713 Fax: 0241.3813714



Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi; Mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa, cho thuê và kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi, đầu tư xây dựng hạ tầng.
Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3724398 Fax: 0241.3724399



Công ty TNHH Nutreco

Địa chỉ: KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, Xã Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3847997 Fax: 0241.3847994

Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam

Địa chỉ: KCN Hòa Mạc, Thị trấn Hòa Mạc, Duy Tiên, Hà Nam
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất thức ăn chăn nuôi
Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng

Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ

Địa chỉ: Khu 1 Xã Tề Lễ, Tam Nông, Phú Thọ
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn
Vốn điều lệ: 50.000.000.000 đồng

Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam

Địa chỉ: Thượng Vỹ, Nhân Chính, Lý Nhân, Hà Nam
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn
Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng

Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hải Phòng

Địa chỉ: Trại Viên, Lưu Kiêm, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn
Vốn điều lệ: 35.000.000.000 đồng

Công ty TNHH Đầu tư phát triển Khu công nghiệp EIP

Địa chỉ: Thôn Guột, xã Việt Hùng, Quê Võ, Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp, Khu đô thị và Dịch vụ; Xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, cấp thoát nước, các công trình điện và trạm điện đến 35KV...
Vốn điều lệ: 628.000.000.000 đồng

CÁC DOANH NGHIỆP DỰ ÁN

Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tô, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....
Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3737855 – 3895111 Fax: 0241.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tô, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....
Vốn điều lệ: 100.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3737855 – 3895111 Fax: 0241.3825496

Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tô, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, kinh doanh bất động sản, tư vấn, mô giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất,....
Vốn điều lệ: 25.000.000.000 đồng
Điện thoại: 0241.3895111 Fax: 0241.3825496

Mô hình quản trị trên đã góp phần nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng Quản trị đối với bộ máy điều hành; nâng cao hiệu quả trong công tác chỉ đạo chiến lược, quản lý tài chính, rủi ro, nhân sự và đầu tư.

Trong đó, nhiệm vụ và vai trò của các cấp là:

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, họp mỗi năm ít nhất 01 lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị (HĐQT) là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty (trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ). Hiện tại, HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam có 09 thành viên, nhiệm kỳ là 05 năm.

Ban kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Vai trò của BKS là đảm bảo các quyền lợi của cổ đông và giám sát các hoạt động của Công ty. Hiện nay, BKS Công ty gồm 03 thành viên, có nhiệm kỳ 05 năm. BKS hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch HĐQT.

4. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Chất lượng sản phẩm:

- Cung cấp sản phẩm chất lượng cao và an toàn cho người tiêu dùng;

Quy mô sản xuất:

- Tất cả các cơ sở sản xuất kinh doanh được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị hiện đại, môi trường làm việc sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ công nhân viên làm việc chất lượng, hiệu quả, năng suất cao;

Hiệu quả sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất, chăn nuôi để tạo ra các sản phẩm mới, sản phẩm có giá trị gia tăng cao và mang lại hiệu quả cho Công ty, cổ đông và người lao động;

Phát triển mạnh mẽ chuỗi giá trị 3F

- Mở rộng qui mô sản xuất, nâng cao sản lượng, chất lượng, đa dạng hóa các sản phẩm của mô hình chuỗi giá trị 3F (Farm – Feed – Food), đồng thời không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty;

Hệ thống quản lý chất lượng:

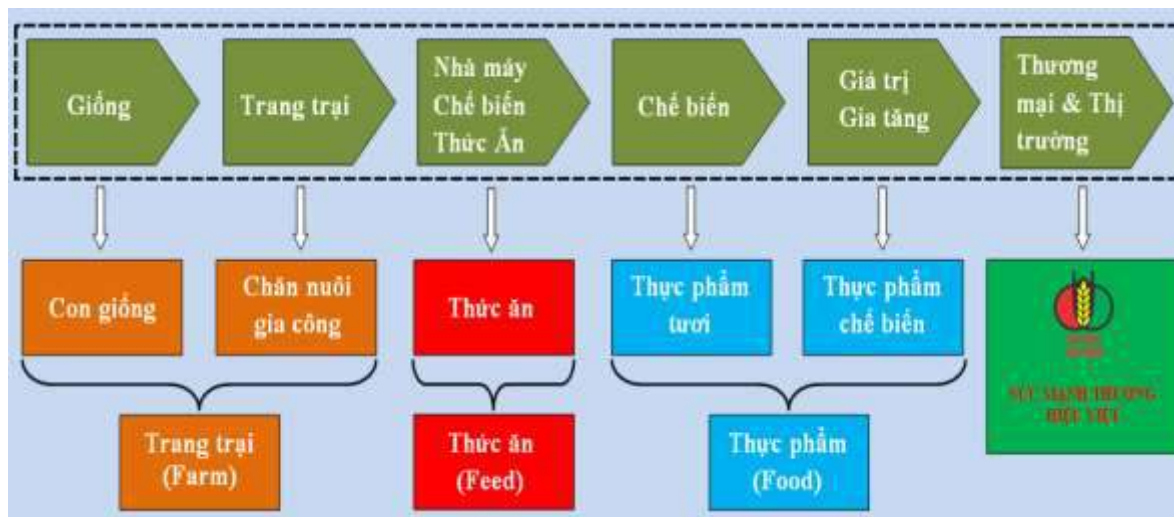
- Quyết tâm xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008, hệ thống quản lý an toàn thực phẩm theo ISO 22000:2005, tiêu chuẩn GMP (đối với Nhà máy chế biến thực phẩm) và chương trình thực hành tốt 5S tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm đạt được mục tiêu ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu của khách hàng.



❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Tiếp tục phát triển công ty thành một Tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình sản xuất tiên tiến,

khép kín (mô hình 3F) gồm: “Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao (Food - Thực phẩm) song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”.



❖ **Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) của Công ty:**

Nhận thức bảo vệ môi trường là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, tất cả các nhà máy sản xuất, đơn vị chăn nuôi của công ty đều được đầu tư hệ thống xử lý môi trường hiện đại, tuân thủ đúng các tiêu chuẩn về môi trường theo qui định hiện hành.

Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đến trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua những hoạt động tài trợ, khuyến khích CBCNV, ban lãnh đạo đóng góp cho các chương trình từ thiện. Bằng cách này, Dabaco luôn đặt mục tiêu đóng góp nhiều nhất trong trách nhiệm xã hội của mình.



5. CÁC RỦI RO

Rủi ro từ nền kinh tế

Năm 2015, trong bối cảnh thị trường toàn cầu có những bất ổn, kinh tế thế giới chưa lấy lại được đà tăng trưởng và phục hồi chậm. Đặc biệt là giá dầu thô giảm mạnh cùng với sự bất ổn của thị trường tài chính toàn cầu... tác động đến nền kinh tế nước ta trong đó có ngành nông nghiệp. Ngành chăn nuôi đã có những bước chuyển dịch rõ ràng, từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang chăn nuôi tập trung theo mô hình trang trại, gia trại, ứng dụng công nghệ khoa học kỹ thuật, tăng hiệu quả kinh tế. Song mức độ cạnh tranh trong ngành TACN ngày càng khốc liệt do nhiều công ty, nhà máy ra đời nên việc tăng sản lượng tiêu thụ gặp rất nhiều khó khăn.

Rủi ro tỷ giá

Biến động ngoại tệ cũng là một trong những rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phần lớn nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi của Công ty được nhập khẩu từ nước ngoài và thanh toán bằng Đô la Mỹ.

Rủi ro tài chính

Do đặc điểm của ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi, Công ty cần phải dự trữ nguyên liệu nhằm chủ động nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, ổn định chất lượng và giá thành sản phẩm, Công ty phải sử dụng các nguồn vay nợ để tài trợ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Vì vậy, lãi suất vay là yếu tố quan trọng mà công ty phải quan tâm.

Rủi ro về nhân sự

Trang thiết bị hiện đại đòi hỏi người lao động phải có trình độ cao, đặt ra nhu cầu phải đào tạo liên tục để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ cán bộ tiếp cận tiến bộ khoa học kỹ thuật. Bên cạnh đó phải có cơ chế thu hút và giữ chân người tài, đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu về nhân sự do mở rộng lĩnh vực sản xuất kinh doanh của công ty.



Rủi ro về cạnh tranh

Ngành sản xuất thức ăn chăn nuôi có khả năng gia nhập ngành cao, có nhiều đối tượng gia nhập ngành, khiến công ty phải cạnh tranh với nhiều đối thủ mới, đa dạng và phức tạp, đặc biệt là các công ty nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia.



Rủi ro về dịch bệnh, điều kiện thời tiết

Điều kiện thời tiết biến đổi bất thường và dịch bệnh thường xuyên được xem là một trong các rủi ro không thể tránh khỏi mà các công ty trong ngành chăn nuôi nói chung và Dabaco nói riêng phải đối mặt. Đặc biệt hiện nay, vấn đề biến đổi khí hậu đang càng ngày trở nên phức tạp. Do đó, Công ty luôn chú trọng công tác vệ sinh, bảo đảm kiểm soát chặt chẽ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, tiêu chuẩn ISO 22000:2005 và chương trình thực hành tốt 5S nhằm chủ động kiểm soát và khống chế các dịch bệnh nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm; đồng thời bảo đảm sản phẩm lợn, gà cung cấp ra thị trường luôn sạch, khỏe mạnh và an toàn vệ sinh thực phẩm.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015:

Năm 2015 là năm có nhiều khó khăn đối với các doanh nghiệp thức ăn chăn nuôi như biến động về giá nguyên liệu, biến động tỉ giá ngoại tệ, sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong ngành... Tuy nhiên, vượt qua những thách thức, tận dụng cơ hội, toàn Tập đoàn đã đạt được kết quả SXKD tốt nhất từ trước đến nay. Hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Có được kết quả trên là do có sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, sự nỗ lực không ngừng của các đơn vị trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất, chăn nuôi, nâng các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt mức tiên tiến của thế giới, liên tục cải tiến, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Một số chỉ tiêu chính đạt được như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% tăng giảm so với năm 2014	% thực hiện so với Kế hoạch 2015
1	Doanh thu thuần (*)	5.791.392	5.186.838	11,7	109
2	LNTT hợp nhất	283.617	249.156	13,8	110
3	LNST hợp nhất	252.835	205.773	22,9	116

() Không bao gồm doanh thu tiêu thụ nội bộ.*

Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi:

Năm 2015 là năm giá thực phẩm ổn định ở mức cao trong thời gian dài, đặc biệt là giá thịt lợn, người chăn nuôi mở rộng qui mô chăn nuôi và có lợi nhuận, tạo điều kiện cho các đơn vị sản xuất thức ăn nâng cao sản lượng tiêu thụ sản phẩm. Năm 2015, sản lượng TACN tiêu thụ của toàn Tập đoàn đạt 104,3% kế hoạch.



Trung tâm điều khiển



Giám sát dây chuyền sản xuất



Quy trình đóng gói sản phẩm

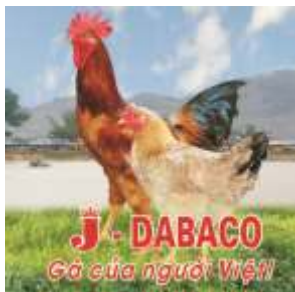


Xuất hàng bằng hệ thống băng

Lĩnh vực sản xuất và tiêu thụ con giống (gà giống, lợn giống):

Năm 2015, kết quả SXKD của các công ty sản xuất lợn giống đều đạt và vượt kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đề ra. Một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đạt tốt như: Tỷ lệ số nái động dục tự nhiên phối là 94,96%, tăng 1,54% so với năm 2014 (Trong đó: Công ty Lợn giống Hạt nhân có tỷ lệ động dục tự nhiên là 100%, Công ty Lợn giống DABACO là 99,77%); Số con sinh ra trung bình trên ổ tăng 0,12 con/ổ so với năm 2014; Số con đẻ ra còn sống để nuôi tăng 0,18 con/ổ so với năm 2014; Tỷ lệ lợn con sinh ra còn sống để nuôi tăng 0,6% so với năm 2014.

Năm 2015, Công ty lai tạo thành công và bán ra thị trường giống gà Nòi sọc đen được người chăn nuôi ưa chuộng; mạng lưới phân phối được thiết lập tại nhiều tỉnh, thành trên cả nước giúp nâng cao sản lượng tiêu thụ và quảng bá sản phẩm.



Lĩnh vực chăn nuôi gia công:

- Sản lượng tiêu thụ của lĩnh vực chăn nuôi gia công gồm:

+ Trứng các loại: tiêu thụ 95.196.783 quả và tăng 26,8% so với năm 2014. Năm 2015, Công ty nghiên cứu và đưa ra thị trường một số sản phẩm trứng cao cấp như: Trứng gà Omega 3, Trứng Gà DHA và Trứng gà vỏ xanh.

+ Gà thịt: tiêu thụ 2.027 tấn. Năm 2015, sản lượng gà thịt giảm mạnh là do công ty có chủ trương thu hẹp qui mô đàn gà trắng và tiến tới chỉ chăn nuôi để phục vụ Nhà máy chế biến thực phẩm của công ty.

+ Lợn thịt: tiêu thụ 18.908 tấn và tăng 19,6% so với năm 2014.



Năm 2015, các sản phẩm của công ty như xúc xích, dăm bông, đồ hộp, thịt hun khói, gà muối... đã có mặt tại nhiều tỉnh, thành phố ở miền Bắc và miền Trung. Mục tiêu trong thời gian tới, công ty tiếp tục khai thác hiệu quả hệ thống máy móc, thiết bị hiện đại và lợi thế theo chuỗi giá trị khép kín của Tập đoàn, nhằm nâng cao sản lượng tiêu thụ và mở rộng thị trường, kênh phân phối.



Lĩnh vực thương mại và dịch vụ:

Hoạt động của hệ thống siêu thị năm 2015 nhiều tích cực, lượng khách đến với hệ thống ngày một đông, sức mua tăng. Hệ thống siêu thị của Tập đoàn đã góp phần bình ổn giá trên địa bàn tỉnh, phát triển thương hiệu, xây dựng ý thức tiêu dùng văn minh hiện đại, tạo công ăn việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động.



Lĩnh vực sản xuất bao bì:

Năm 2015, hoạt động sản xuất và tiêu thụ bao bì đạt kết quả tốt, hoàn thành kế hoạch sản lượng tiêu thụ, doanh thu và lợi nhuận. Phần lớn lượng bao bì sản xuất ra cung cấp cho các Nhà máy TACN trong Tập đoàn, một phần xuất khẩu và bán ra thị trường nội địa.



2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ

❖ *Danh sách Ban điều hành*

Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Khắc Thảo

Năm sinh: 1957

Nơi sinh: Bắc Ninh

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần: 1,12%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 10/1979 – 09/1982: Cán bộ nghiệp vụ thống kê công ty bán lẻ CNP Sơn Động, Lục ngạn, Bắc Giang
- 10/1982 – 10/1985: Học Đại học Thương mại Hà Nội
- 11/1985 – 12/1996: Công tác tại công ty nông sản Bắc Ninh
- 01/2005 – 05/2008: Giám đốc Vật tư - XNK công ty CP Nông sản Bắc Ninh
- 05/2008 – 03/2011: Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Dabaco Việt Nam
- 03/2011- 05/2015: Thành viên HĐQT kiêm phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
- 05/2015 đến nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Văn Tuấn

Năm sinh: 1958

Nơi sinh: Bắc Ninh

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần: 0,1%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chăn nuôi thú y, thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 10/1982 – 12/1994: công tác tại huyện Thuận Thành, Hà Bắc
- 01/1995 – 12/1997: Công tác tại Công ty Vật tư Nông nghiệp Bắc Giang
- 01/1998 – 04/1999: Trưởng phòng kế hoạch Công ty Nông sản Bắc Ninh
- 05/1999 – 12/2004: Phó giám đốc Công ty Nông sản Bắc Ninh
- 01/2005 – 05/2008: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
- 05/2008 – 04/2015: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Năm sinh: 1964

Nơi sinh: Bắc Ninh

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần: 1,7%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 06/1986 đến 04/1996 : Công tác tại Trường cán bộ thống kê trung ương
- Từ 05/1996 đến 12/2004 : Phó phòng Tài vụ, Trưởng phòng Tài vụ, Kế toán trưởng Công ty Nông sản Bắc Ninh
- Từ 01/2005 đến 05/2008 : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh
- Từ 05/2008 đến 03/2011 : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần DABACO Việt Nam
- Từ 03/2011 đến 05/2015 : Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam
- Từ 05/2015 đến nay : Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần tập đoàn DABACO Việt Nam

Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Thế Tường

Năm sinh: 1970

Nơi sinh: Bắc Ninh

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần: 1,06%

Trình độ chuyên môn: Bác sỹ thú y, Thạc sỹ Nông nghiệp

Quá trình công tác:

- 05/1996 – 06/1999: Phó phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Hà Bắc
- 07/1999 – 12/2004: Trưởng phòng kỹ thuật Công ty Nông sản Bắc Ninh
- 01/2005 – 05/2008: Thành viên HĐQT, Giám đốc kỹ thuật chất lượng Công ty CP Nông sản Bắc Ninh.
- 05/2005 – 05/2015: Thành viên HĐQT, Giám đốc kỹ thuật chất lượng Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam.
- 05/2015 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam.

Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Năm sinh: 1954

Nơi sinh: Bắc Ninh

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần: 0,04%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác:

- 12/1971 – 04/1977: Nhập ngũ bộ đội đơn vị 485E568 sau về đơn vị Trường quản trị Quân khu 5
- 05/1977 – 12/1979: công tác tại Công ty Vôi gạch ngói - Sở xây dựng Hà Bắc
- 09/1979 - 12/1997: công tác tại công ty xây dựng số 1 Hà Bắc
- 1998 – 03/2007: Giám đốc Ban quản lý Dự án - Sở xây dựng Bắc Ninh
- 03/2007 – 03/2011: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Dabaco Việt Nam
- 03/2011 – 04/2015: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
- 04/2015 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Phó Tổng Giám đốc: Ông Phạm Văn Học

Năm sinh: 1978

Nơi sinh: Bắc Ninh

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần: 0,01%

Trình độ chuyên môn: Bác sỹ thú y, thạc sỹ chăn nuôi

Quá trình công tác:

- Năm 2001 – 2003: công tác tại Công ty CP Việt Nam – Thái Lan
- Năm 2003 – 05/2009: Trung tâm khuyến nông Bắc Ninh
- 09/2009 – 06/2010: Phòng kế hoạch Công ty CP Nông sản Bắc Ninh
- 07/2010 – 02/2011: Phó giám đốc Công ty TNHH Lợn giống Dabaco – Công ty CP Dabaco Việt Nam
- 03/2011 – 05/2014: Giám đốc Công ty TNHH Lợn giống Dabaco – Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam
- Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam – Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Phó Tổng Giám đốc: Ông Nguyễn Trọng Kích

Năm sinh: 1954

Nơi sinh: Bắc Ninh

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần: 0%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chăn nuôi

Quá trình công tác:

- Từ 10/1974 đến 10/1977 : Bộ đội
- Từ 10/1977 đến 04/1982 : Chi ủy viên bí thư chi đoàn CN 11B, Ủy viên BCH đoàn trường Trường Đại học Nông nghiệp II.
- Từ 05/1982 đến 05/1987 : Cán bộ tỉnh đoàn Hà Bắc
- Từ 06/1987 đến 08/1988 : Cán bộ văn phòng huyện ủy huyện Tiên Sơn - Hà Bắc
- Từ 09/1988 đến 08/1989 : Huyện ủy viên - Quyền chánh văn phòng huyện ủy Huyện Tiên Sơn.
- Từ 09/1989 đến 09/1991 : Chi ủy viên Lớp phó lớp Cao đẳng quản lý nhà nước 89-91 Học viện hành chính quốc gia.
- Từ 10/1991 đến 04/1996 : Huyện ủy viên Chánh văn phòng huyện ủy Huyện Tiên Sơn
- Từ 05/1996 đến 08/1997 : Huyện ủy viên – Chủ tịch liên đoàn lao động huyện Tiên Sơn.
- Từ 08/1997 đến 08/1999 : Ủy viên BTV huyện ủy trưởng ban dân vận huyện ủy
- Từ 09/1999 đến 11/2000 : Ủy viên BTV Huyện ủy – Phó Chủ tịch thường trực UBND huyện Tiên Du.
- Từ 12/2000 đến 10/2005 : Phó Bí thư huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Tiên Du.
- Từ 11/2005 đến 02/2008 : Chỉ cục trưởng Kiểm Lâm Bắc Ninh
- Từ 03/2008 đến 12/2010 : Phó Giám đốc Sở Khoa Học và Công Nghệ
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam

Thay đổi nhân sự:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Như So	Tổng Giám đốc		18/5/2015
Nguyễn Khắc Thảo	Tổng Giám đốc	18/5/2015	
Nguyễn Thế Tường	Phó Tổng Giám đốc	18/5/2015	
Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	18/5/2015	
Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc		15/7/2015

- ❖ **Số lượng cán bộ, công nhân viên:** Tính đến ngày 31/12/2015 là 3.168 người .
- ❖ **Chính sách đối với người lao động**

Mặc dù trong tình hình khó khăn, Công ty vẫn nỗ lực duy trì mức thu nhập ổn định đảm bảo cuộc sống cho người lao động, tạo động lực cho CBCNV yên tâm công tác, cống hiến và gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, Công ty còn chú trọng xây dựng cơ chế lương thưởng hợp lý, khuyến khích và đãi ngộ tốt đối với người lao động có trình độ, tâm huyết. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động. Tạo môi trường tốt nhất để cán bộ nhân viên trong Công ty phát huy hết khả năng, tận tâm phục vụ vì mục tiêu phát triển chung của tập thể.

- ❖ **Chính sách lương, thưởng**

Công ty đã xây dựng quy chế lương, thưởng quy định theo từng cấp bậc công việc đang đảm nhận. Mức lương của người lao động trực tiếp được hưởng tùy thuộc vào loại công việc, định mức lao động, chỉ tiêu kỹ thuật đảm nhận và kết quả công việc người lao động thực hiện. Mức lương của người lao động gián tiếp được hưởng theo hệ số do Tổng Giám đốc Công ty quyết định căn cứ trên tính chất công việc, năng lực và kết quả làm việc của người lao động.

Công ty đảm bảo trả lương cho người lao động không thấp hơn quy định của nhà nước. Đồng thời, Công ty thực hiện những chế độ bảo đảm các chính sách xã hội cho người lao động theo Luật lao động và thỏa ước lao động tập thể.

- ❖ **Chính sách phúc lợi cho Cán bộ công nhân viên**

Công ty thực hiện các chế độ trợ cấp khó khăn, chế độ thăm hỏi khi người lao động ốm đau, các chế độ khác như hiếu hỉ, cưới hỏi, v.v...

- ❖ **Một số hình ảnh của Cán bộ công nhân viên Công ty**



3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN VÀ ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN

Năm 2015, Công ty khởi công xây dựng các dự án gồm:

- Nhà máy TACN Hà Nam, Công ty Lợn giống Hà Nam, Công ty Lợn giống Phú Thọ, Công ty Lợn giống Hải Phòng... dự kiến cuối năm 2016 đưa vào hoạt động.

- Cảng bốc xếp hàng hóa Tân Chi, dự kiến quý 2/2016 đưa vào hoạt động.

- Dự án Khu công nghiệp Quế Võ 3: Năm 2015, đã hoàn thiện tuyến 5A nội Khu; San lấp mặt bằng Nhà máy nước; Trạm điện 110 KV; Thi công hạng mục thoát nước mưa, nước thải tuyến đường số 2.

- Dự án Công viên Hồ điều hòa Văn Miếu: Năm 2015, hoàn thiện hạng mục đào lòng hồ, san mặt bằng kè hồ số 1; cống thủy lợi số 3,4 và đang thi công hạng mục cống thủy lợi 1,2, Hồ 2, 3.

- Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục thực hiện một số dự án dở dang, đồng thời tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo các cơ sở sản xuất kinh doanh nhằm phát triển mạnh lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính trong ngành nông nghiệp – thực phẩm.



Phối cảnh Khu công nghiệp Quế Võ III



Phối cảnh công viên Hồ Điều Hoà Văn Miếu

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Theo Báo cáo tài chính hợp nhất)

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	4.220.361.698.512	4.615.210.727.082	9,36
Doanh thu thuần	5.186.838.063.815	5.791.392.529.288	11,66
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	248.388.312.520	282.610.939.921	13,78
Lợi nhuận khác	768.015.789	1.006.270.459	31
Lợi nhuận trước thuế	249.156.328.309	283.617.210.380	13,83
Lợi nhuận sau thuế	205.773.104.121	252.835.571.205	22,87
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	15%	25%	66,7

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,34	1,29
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,75	0,73
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,57	0,58
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,31	1,37
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,0	5,0
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,21	1,25
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	4,02	4,37
Hệ số lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	11,24	13
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	4,88	5,48
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DT thuần	%	4,68	4,9

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

❖ *Cổ phần:*

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 62.741.923 cổ phần

Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: không có

❖ *Cơ cấu cổ đông:*

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 16/11/2015:

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	44.001.244	70,13
-	Cổ đông lớn	11.464.057	18,27
-	Cổ đông nhỏ	32.537.187	51,86
-	Cổ đông tổ chức	8.612.624	13,73
-	Cổ đông cá nhân	35.388.620	56,40
II	Cổ đông nước ngoài	18.740.679	29,87
-	Cổ đông lớn	5.470.800	8,72
-	Cổ đông nhỏ	13.269.879	21,15
-	Cổ đông tổ chức	18.463.050	29,43
-	Cổ đông cá nhân	277.629	0,44
	Tổng cộng:	62.741.923	100

Danh sách cổ đông lớn năm 2015:

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Nguyễn Như So	87 Lê Văn Thịnh, phường Suối Hoa, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	11.464.057	18,27
2	Fraser Investment Holdings Pte.Ltd	112 Robinson Road, #11-03, Robinson 112, Singapore (068902)	5.470.800	8,72
3	Công ty TNHH quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	1C Ngô Quyền, P.Lý Thái Tổ, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội	3.810.140	6,07
	Tổng cộng		20.744.997	33,06

- ❖ *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:* Không có
- ❖ *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có
- ❖ *Các chứng khoán khác:* Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Ban Vật tư xuất nhập khẩu của công ty chịu trách nhiệm thu mua nguyên vật liệu cho các đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi theo kế hoạch sản xuất kinh doanh của các đơn vị. Năm 2015, Ban VT-XNK đã thu mua 444.357 tấn nguyên liệu phục vụ hoạt động sản xuất của các Nhà máy.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năm 2015, chỉ tính riêng các đơn vị sản xuất thức ăn chăn nuôi của công ty, chi phí điện năng tiêu thụ là: 28.987 triệu đồng cho 18.230.369 kwh (bình quân 84.056 đồng/tấn sản phẩm).

Từ tháng 9/2015, Công ty thay thế việc sử dụng nhiên liệu than đá để đốt nồi hơi phục vụ cho các Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi sang sử dụng bằng củi ép, củi trấu, giúp tiết kiệm chi phí nhiên liệu và cải thiện chất lượng khí thải tốt hơn so với sử dụng nhiên liệu than đá.

6.3. Tiêu thụ nước:

Chi phí nước tiêu thụ là 1.054 triệu đồng cho 62.010 m³ (bình quân 3.738 đồng/tấn sản phẩm). Nguồn nước được lấy từ hệ thống cung cấp nước của Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bắc Ninh.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

✓ Đối với sản xuất thức ăn chăn nuôi: Do tính chất sản xuất của Nhà máy, sau ngày làm việc quản đốc phân xưởng kiểm tra nhắc nhở công nhân làm tốt công tác vệ sinh khu vực mình làm, nhất là bộ phận tiếp liệu và nguyên liệu bổ sung. Sau mỗi tuần sản xuất, tổng vệ sinh trong và ngoài nhà máy.

Hàng năm, công ty đều phát động phong trào trồng cây xanh bao quanh nhà máy, vừa làm tăng mỹ quan, vừa làm xanh, sạch môi trường. Sử dụng hệ thống nước máy công nghiệp và bể chứa dự trữ đảm bảo cung cấp đủ nước sạch cho sản xuất, sinh hoạt. Hệ thống thoát nước mưa, nước thải được xây bằng gạch đảm bảo thoát nhanh nhất, đáy bê tông và có nắp đậy bằng tấm đan đổ bê tông.

Quy trình công nghệ dây chuyền sản xuất của nhà máy được đánh giá là không ảnh hưởng đến môi trường, tiếng ồn và nồng độ bụi nằm trong giới hạn cho phép, đảm bảo TCVN do Bộ Tài nguyên và môi trường qui định.

✓ Đối với các đơn vị sản xuất con giống gia súc, gia cầm: Xử lý chất thải (phân, nước tiểu, thức ăn rơi vãi) thông qua hệ thống Biogas; Trồng cây xanh xung quanh khu

vực chăn nuôi, thực hiện các biện pháp chăn nuôi thú y và các biện pháp an toàn sinh học, vệ sinh sạch sẽ trong và ngoài công ty...

✓ Tuân thủ việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) trước khi triển khai xây dựng; Thực hiện quan trắc môi trường mỗi năm 2 lần và lập báo cáo hiện trạng môi trường định kỳ nộp cho các cơ quan quản lý môi trường.

✓ Không bị xử phạt vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình của người lao động:

- Tổng số lao động của toàn Công ty tính đến 31/12/2015 là 3.168 người, thu nhập bình quân là 8.073.000 đồng/người/tháng; 100% người lao động được ký hợp đồng lao động, áp dụng đúng thời gian thử việc theo quy định.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật lao động và nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể về thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi; ngày làm việc 8 giờ; nghỉ giữa ca...

- Thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ nghỉ ngơi như: nghỉ tuần, nghỉ lễ, nghỉ phép...Việc chấm công được ghi chép đầy đủ;

- Tổ chức cho toàn thể CBCNV-LĐ ăn bữa ăn ca miễn phí đảm bảo sạch sẽ, đủ dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Thực hiện tốt các chính sách đối với người lao động như thăm hỏi, thanh toán các chế độ ốm đau, thai sản... thực hiện tốt chế độ BHXH, BHYT, BHTN, Bảo hiểm thân thể cho người lao động theo đúng chế độ chính sách của Nhà nước; làm tốt công tác BHLĐ, vệ sinh lao động, ký kết và tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV-LĐ làm việc tại Công ty.

- Tổ chức thăm hỏi CBCNV-LĐ lúc ốm đau, thai sản, sinh nhật, đám hiếu, hỷ của bản thân người lao động và tứ thân phụ mẫu; tặng quà cho cán bộ nữ CNVC –LĐ nhân dịp 8/3; tặng quà cho các cháu là con cán bộ CNV công ty có thành tích học tập tốt, ngày Quốc tế thiếu nhi và Tết Trung thu 2015...

- Năm 2015, tổ chức cho toàn bộ CBCNV-LĐ Công ty đi tham quan nghỉ dưỡng tại một số địa điểm như Hạ Long, Cát Bà, Sầm Sơn, Cửa Lò, Đà Nẵng...

- Luôn tạo điều kiện cho NLĐ được tham gia ý kiến, quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của NLĐ như chính sách tiền lương, nội quy lao động, nội quy PCCC, nội quy ra vào cơ quan.

- Luôn chú trọng đến chất lượng công tác xây dựng và ký kết TULĐTT với chính sách ưu đãi thu hút nhân tài, lao động có tay nghề cao, tạo sự gắn bó giữa người lao động với doanh nghiệp. Duy trì việc ký kết TULĐTT, thường xuyên bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với chính sách mới của Nhà nước liên quan đến quyền và lợi ích của NLĐ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Đối với công nhân lao động trực tiếp: Thực hiện công tác đào tạo tại chỗ, đảm bảo công nhân đạt kỹ năng thuần thục công việc tại vị trí đảm nhận.

- Đối với cán bộ, nhân viên thị trường: Đào tạo về chuyên môn, kỹ năng bán hàng, kỹ năng mềm... trung bình đạt 192 giờ/năm.

- Đối với cán bộ quản lý, kỹ thuật: Thường xuyên được cử đi đào tạo, tập huấn tại các cơ sở đào tạo, các Tập đoàn lớn trong và ngoài nước.

- Các đối tượng khác, tùy theo đặc thù công việc, công ty tổ chức các khóa đào tạo tại đơn vị hoặc cử cán bộ theo học như: quản lý sản xuất, kho tàng, cơ điện, quản lý chi phí, vật tư, kế toán, bán hàng...

6.6. Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong những năm qua, công ty luôn chủ động, tích cực thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương thông qua các chương trình như:

- Tham gia đóng góp vào các quỹ hỗ trợ người nghèo của địa phương, các đợt quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai...

- Hỗ trợ sản phẩm cho người chăn nuôi tại các vùng khó khăn.

- Trực tiếp thực hiện các chương trình Tết vì người nghèo, quỹ khuyến học, quỹ đền ơn đáp nghĩa ...

- Hỗ trợ địa phương xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng các thiết chế sinh hoạt văn hóa cộng đồng...

Kết quả hoạt động thực tế cho thấy, việc hỗ trợ cộng đồng không chỉ là sợi dây liên kết giữa nhà sản xuất với người sử dụng sản phẩm về mặt tinh thần mà nó còn mang lại lợi ích kinh tế không nhỏ do việc tin tưởng vào sản phẩm và uy tín của Tập đoàn, và chính họ là những người mở rộng thêm những mối quan hệ mới cho công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ *Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:*

Vượt qua những khó khăn và thách thức, tận dụng những cơ hội, năm 2015, hầu hết các đơn vị trong Tập đoàn đều hoàn thành và vượt kế hoạch đề ra, các chỉ tiêu kết quả SXKD của Tập đoàn đạt cao nhất từ trước đến nay, cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu tiêu thụ (gồm cả tiêu thụ nội bộ) là 8.688 tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch và tăng 15% so với năm 2014.
- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất: 283.617 tỷ đồng, đạt 110% kế hoạch và tăng 14% so với năm 2014.
- Lợi nhuận sau thuế hợp nhất: 252.835 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch và tăng 23% so với năm 2014.

Những tiến bộ công ty đã đạt được năm 2015:

✓ Chú trọng đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ, ứng dụng hiệu quả các kỹ thuật tiên tiến vào hoạt động sản xuất, chăn nuôi, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất con giống gia súc, gia cầm đạt được sản lượng ngang bằng với các nước có nền chăn nuôi phát triển.

✓ Thành công trong việc nghiên cứu, lai tạo một số giống gà như Gà nòi sọc đen, Gà Nòi ô tía, giống gà đẻ trứng xanh... và các giống lợn chất lượng cao như Lợn đực giống DUDA S400, Lợn cái giống GenMax...

✓ Ứng dụng đồng bộ các giải pháp về kỹ thuật chăn nuôi với bổ sung những vi chất cần thiết có lợi cho sức khỏe để tạo ra các sản phẩm giá trị gia tăng như trứng gà Omega3, trứng gà vỏ xanh, DHA, Gà thảo dược...

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ *Tình hình tài sản*

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ tăng giảm (%)
Tài sản ngắn hạn	3.118.937.874.056	67,6	2.976.238.692.579	70,5	142.699.181.477	4,8
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.261.183.367	3,2	280.739.533.245	6,7	(134.478.349.878)	(47,9)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	273.332.627.489	5,9	88.000.555.552	2,1	185.332.071.937	210,6
Các khoản phải thu ngắn hạn	425.348.123.473	9,2	455.150.881.361	10,8	(29.802.757.888)	(6,5)
Hàng tồn kho	2.248.878.404.178	48,7	2.142.649.910.396	50,8	106.228.493.782	5

Tài sản ngắn hạn khác	25.117.535.549	0,5	9.697.812.025	0,2	15.419.723.524	159
Tài sản dài hạn	1.496.272.853.026	32,4	1.244.123.005.933	29,5	252.149.847.093	20,3
Tài sản cố định	1.166.313.800.521	25,3	1.059.424.277.933	25,1	106.889.522.588	10
Các khoản đầu tư TC dài hạn	600.000.000	0	-	0	600.000.000	0
Tài sản dài hạn khác	17.179.313.254	0,4	21.622.274.462	0,5	(4.442.961.208)	(20,5)
Lợi thế thương mại	4.727.169.089	0,1	5.908.961.369	0,1	(1.181.792.280)	(20)
Tổng tài sản	4.615.210.727.082	100	4.220.361.698.512	100	394.849.028.570	9,4

Tổng tài sản công ty tính đến ngày 31/12/2015 là 4.615.210 triệu đồng, tăng 9,4% so với năm 2014. Kết cấu tài sản của Công ty nghiêng về tài sản ngắn hạn, trong khi tài sản dài hạn chỉ chiếm tỷ lệ 32,4% trên tổng tài sản thì tài sản ngắn hạn chiếm tỷ lệ 67,6% trên tổng tài sản năm 2015. Trong đó, tốc độ gia tăng của tài sản dài hạn có phần nhanh hơn tốc độ gia tăng của tài sản ngắn hạn.

Hàng tồn kho chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kết cấu tài sản, phù hợp với doanh nghiệp kinh doanh hàng nông sản. Việc mở rộng quy mô dự trữ hàng tồn kho phù hợp với tình hình kinh doanh và kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

Chỉ tiêu chiếm tỷ trọng lớn thứ 2 trong tài sản ngắn hạn của công ty là các khoản phải thu ngắn hạn. Trị giá các khoản phải thu ngắn hạn cuối năm là 425.348 triệu đồng, giảm 29.802 triệu đồng so với đầu năm. Các khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn và ngày càng có xu hướng giảm là điều có lợi cho hoạt động của Công ty, nó sẽ làm tăng hiệu quả sử dụng vốn nói chung và tăng hiệu quả sử dụng vốn lưu động nói riêng. Việc theo dõi thu hồi công nợ được tiến hành thường xuyên và chặt chẽ. Công ty không có các khoản phải thu dài hạn. Trong năm qua, công ty không phát sinh nợ xấu, nợ mất khả năng thanh toán.

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ		Chênh lệch	
	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ lệ tăng giảm (%)
Nợ phải trả	2.668.763.190.851	57,8	2.390.099.865.524	56,6	278.663.325.327	11,7
Nợ ngắn hạn	2.410.964.470.019	52,2	2.214.923.420.923	52,5	190.041.049.096	8,9
Nợ dài hạn	257.798.720.832	5,6	175.176.444.601	4,2	82.622.276.231	47,2
Vốn Chủ sở hữu	1.946.447.536.231	42,2	1.830.261.832.988	43,4	116.185.703.243	6,3
Vốn Chủ sở hữu	1.946.447.536.231	42,2	1.830.261.832.988	43,4	116.185.703.243	6,3
Tổng nguồn vốn	4.615.210.727.082	100	4.220.361.698.512	100	394.849.028.570	9,4

Tương ứng với sự gia tăng của tài sản là sự gia tăng của nguồn vốn. Tổng nguồn vốn cuối năm 2015 tăng 394.849 triệu đồng tương ứng mức tăng 9,4% so với năm

2014. Trong kết cấu nguồn vốn, nợ phải trả chiếm tỷ lệ 57,8% trên tổng nguồn vốn, vốn chủ sở hữu chiếm tỷ lệ 42,2% trên tổng nguồn vốn năm 2015.

Trước sự gia tăng của tài sản, ngoài nguồn vốn chủ sở hữu hiện có, công ty sử dụng nhiều nguồn tài trợ khác để tài trợ cho sự tăng lên của tài sản, chủ yếu là nguồn tín dụng thương mại với người bán, vay ngắn hạn, dài hạn và nợ thuê tài chính.

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

❖ Về triển khai và điều hành kế hoạch sản xuất:

Ngay sau khi Bản kế hoạch SXKD năm 2015 được phê duyệt và giao cho các đơn vị, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban xây dựng kế hoạch của Tập đoàn đã họp riêng với từng đơn vị để triển khai các giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015.

❖ Các giải pháp kỹ thuật chủ yếu gồm:

Về con giống:

Thường xuyên nghiên cứu, chọn lọc để nâng cao chất lượng đàn lợn giống gốc (ông bà), kết hợp với việc nhập ngoại Lợn giống để thay thế đàn, làm tươi máu đàn Lợn giống của Công ty.

Nghiên cứu, lai tạo giống gia súc, gia cầm, tạo nên thương hiệu giống gia súc, gia cầm của riêng DABACO như giống Gà Ji, gà Nòi, Gà 9 cựa, gà đẻ trứng xanh ... Làm tốt công tác tuyên truyền, quảng bá để cung ứng con giống gia súc, gia cầm ra thị trường.

Về thức ăn:

Thực hiện khảo nghiệm chỉ tiêu tiêu tốn thức ăn (FCR) đối với đàn Lợn thịt, đàn Gà thịt để áp dụng cho hệ thống chăn nuôi gia công.

❖ Về mặt quản lý:

Thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước, quy chế, quy định của công ty, thực hiện cuộc cách mạng triệt để về tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng... không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

4. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2016

Năm 2016, kinh tế Việt Nam được đánh giá sẽ có những cơ hội tốt từ quá trình hội nhập quốc tế, kinh tế vĩ mô đang dần ổn định, lạm phát được kiểm soát. Tuy nhiên, hội nhập cũng sẽ gây ra nhiều sức ép đối với doanh nghiệp, đặc biệt đối với lĩnh vực chăn nuôi, doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh từ các sản phẩm chăn nuôi có chất lượng, chi phí giá thành thấp của nước ngoài. Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV Tập đoàn quyết tâm phấn đấu thực hiện hoàn thành các nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

Các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2016

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016
1	Sản lượng tiêu thụ		
	Thức ăn chăn nuôi	tấn	430.000
	Tinh lợn	liều	208.471
	Lợn con cai sữa	con	122.813
	Lợn sau cai sữa (hậu bị)	kg	1.120.230
	Lợn thịt (gia công)	kg	21.470.400
	Gà giống	con	18.598.500
	Gà hậu bị giống	con	108.016
	Trứng	quả	120.005.600
	Thực phẩm chế biến	kg	3.036.000
2	Tổng doanh thu	triệu đồng	8.456.456
3	Lợi nhuận trước thuế	triệu đồng	346.009
4	Lợi nhuận sau thuế	triệu đồng	291.244

5. TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY:

a). Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty luôn thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, không ngừng nghiên cứu, cải tiến, ứng dụng khoa học công nghệ cao vào sản xuất góp phần bảo vệ môi trường ngày càng tốt hơn.

b). Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Nhận thức được vai trò của con người đối với doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến đời sống của người lao động, đảm bảo những quyền và lợi ích của người lao động theo đúng đường lối của Đảng chính sách pháp luật của Nhà nước nhằm tạo môi trường làm việc thuận lợi nhất cho người lao động yên tâm công tác.

c) Trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty rất coi trọng và quan tâm xây dựng mối quan hệ mật thiết với các cộng đồng chủ chốt bằng các hình thức như ủng hộ xây dựng các công trình phúc lợi, đền ơn đáp nghĩa, tạo công ăn việc làm cho người dân, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường tại địa phương.

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

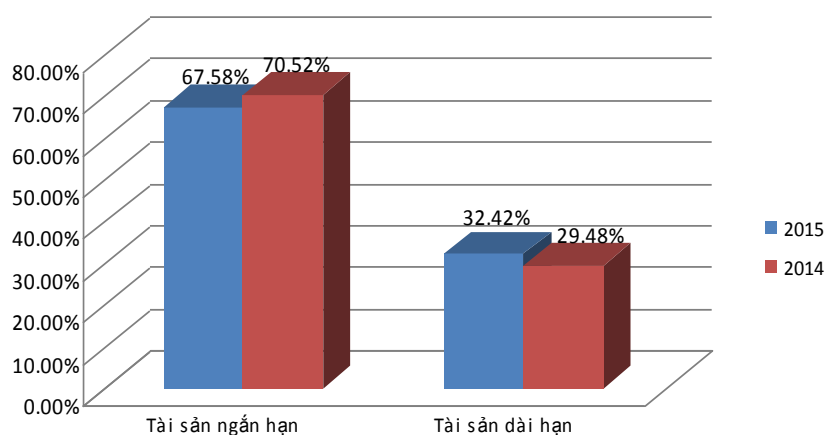
❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Đơn vị tính: triệu đồng

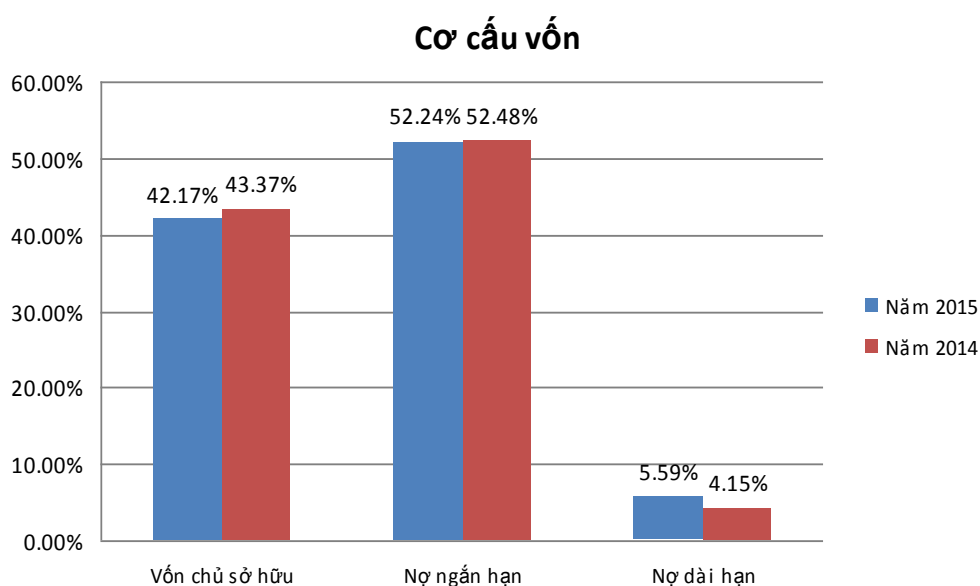
Kết quả hoạt động SXKD	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/Giảm	% Tăng/giảm
Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	5.863.191	5.236.685	626.506	12
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	5.791.392	5.186.838	604.554	11,7
Giá vốn hàng bán	(5.090.939)	(4.589.887)	(501.052)	(10,9)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	700.452	596.950	103.502	17,3
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	282.610	248.388	34.222	13,8
Lợi nhuận khác	1.006	768	238	31
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	283.617	249.156	34.461	13,8
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	252.835	205.773	47.062	22,9
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	4.030	3.102	928	29,9

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng/ Giảm	% Tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	3.118.937	2.976.238	142.699	4,8
Tài sản dài hạn	1.496.272	1.244.123	252.149	20,3
Tổng tài sản	4.615.210	4.220.361	394.849	9,4

Cơ cấu tài sản



Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Tăng / giảm	% Tăng / giảm
Nợ ngắn hạn	2.410.964	2.214.923	196.041	8,9
Nợ dài hạn	257.798	175.176	82.622	47,2
Tổng nợ	2.668.763	2.390.099	278.664	11,7
Vốn chủ sở hữu	1.946.447	1.830.261	116.186	6,3
Tổng nguồn vốn	4.615.210	4.220.361	394.849	9,4



Các chỉ tiêu trên cho thấy, năm 2015 công ty hoàn thành tốt kế hoạch SXKD đã được ĐHCĐ thông qua và đạt mức tăng trưởng cao so với năm 2014, các lợi ích của cổ đông và người lao động đều được đảm bảo.

❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty:

Công ty đã thực hiện đúng các chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, tích cực bảo vệ môi trường, thực hiện tốt các trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng địa phương.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty có 7 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 06 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Tài chính, Kỹ thuật, Vật tư – XNK, Thị trường, Công nghệ và Dự án.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban, các công ty và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

Chủ tịch HĐQT định kỳ 1 tháng 1 lần trực tiếp chỉ đạo cuộc họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Ban chuyên môn, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp. Sau mỗi cuộc họp, các thông báo kết luận giao ban được gửi trực tiếp đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

HĐQT đã thực hiện tốt vai trò định hướng, quản lý và giám sát toàn diện các mặt hoạt động SXKD, hoạt động đầu tư của Công ty, đảm bảo thực hiện tốt các kế hoạch, nhiệm vụ theo đúng Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua, tuân thủ đúng pháp luật, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

Thông báo đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đến các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo, giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua.

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Ban TGD đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. Ban Tổng Giám đốc đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHĐCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

Trong năm qua, Ban TGD đã không ngừng đổi mới công tác quản lý, điều hành hoạt động SXKD của công ty, xây dựng cơ chế chính sách phù hợp với tình hình thực tế của công ty, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, đổi mới cách giao chỉ tiêu kế hoạch gắn liền với giải pháp thực hiện kế hoạch.

3. KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Phát triển Công ty thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh trong lĩnh vực nông nghiệp - thực phẩm ứng dụng công nghệ cao theo mô hình **3F (Farm-Feed-Food)** gồm: “*Sản xuất giống gia súc, gia cầm và chăn nuôi gia công (Farm - Trang trại) - Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (Feed - Thức ăn) - Giết mổ và chế biến thực phẩm, sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO (Food - Thực phẩm)*”.

- Tăng cường hoạt động nghiên cứu phát triển, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất; lai tạo giống gia súc, gia cầm có năng suất, chất lượng cao và sạch bệnh; tạo ra các sản phẩm mới trong chăn nuôi có giá trị gia tăng cao.

- Ưu tiên đầu tư xây dựng và cải tạo, nâng cấp các cơ sở sản xuất kinh doanh, mở rộng qui mô, nâng cao năng suất, chất lượng, gia tăng giá trị và khả năng cạnh tranh.

- Phát triển bền vững đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái và trách nhiệm với cộng đồng.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao, và các khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu HĐQT

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu (tính đến ngày 20/02/2016)	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	11.464.057	18,27
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	702.900	1,12
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD, Kế toán trưởng	1.066.000	1,7
4	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT kiêm Phó TGD	665.600	1,06
5	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT	5.023	0,01
6	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	71.400	0,11
7	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT, không điều hành	306.000	0,49
8	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	720.736	1,15
9	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty không thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị được phân công phụ trách từng lĩnh vực cụ thể.

c) Hoạt động của HĐQT:

Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	Số 01/2015/NQ-HĐQT	15/01/2015	- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và kế hoạch SXKD 3 năm 2016-2018
2	Số 02/2015/NQ-HĐQT	26/01/2015	- Thông qua việc xét thưởng năm 2014 và thưởng tết Ất Mùi năm 2015. - Thông qua phương án thuê tài chính một số máy móc thiết bị.
3	Số 03/2015/NQ-HĐQT	17/03/2015	- Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp một số công ty thành viên (Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao DABACO, Chi nhánh Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO) - Thông qua hạn mức vay vốn tại các Ngân hàng phục vụ SXKD năm 2015.
4	Số 04/2015/NQ-HĐQT	03/4/2015	- Thông qua nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2015. - Thông qua chủ trương đầu tư một số dự án. - Thông qua việc vay vốn Ngân hàng.
5	Số 05/2015/NQ-HĐQT	25/4/2015	- Thông qua danh sách ứng viên bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015-2020.

			<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc bảo lãnh hợp đồng cho thuê tài chính của Công ty TNHH đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco. - Thông qua việc vay vốn Ngân hàng.
6	Số 06/2015/NQ-HĐQT	26/4/2015	Thông qua việc bầu các chức danh thuộc Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015-2020 và phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT.
7	Số 07/2015/NQ-HĐQT	18/5/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua dự án đầu tư xây dựng và thành lập Công ty TNHH MTV để hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và chăn nuôi lợn giống tại tỉnh Hà Nam và Phú Thọ. - Bổ nhiệm, miễn nhiệm một số cán bộ quản lý (Tổng Giám đốc điều hành; Phó Tổng Giám đốc...). - Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của một số công ty thành viên. - Thành lập Trung tâm công nghệ sinh học Dabaco trực thuộc Công ty TNHH lợn giống Hạt nhân DABACO. - Lựa chọn kiểm toán độc lập năm 2015. - Thông qua hạn mức vay vốn và phương án thuê tài chính phục vụ SXKD và đầu tư của Công ty. - Và một số nội dung khác.
8	Số 08/2015/NQ-HĐQT	30/7/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Hà Nam để thực hiện dự án Khu chăn nuôi tập trung giống lợn DABACO ứng dụng công nghệ cao tại xã Nhân Chính, Lý Nhân, Hà Nam - Đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty TNHH Lợn giống Dabaco Phú Thọ - Thông qua việc bảo lãnh mở LC cho Công ty TNHH thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam tại Ngân hàng Nông nghiệp & PTNT – CN Bắc Ninh - Thông qua hạn mức vay vốn ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 tại NH TMCP Quốc tế Việt Nam – CN Lý Thường Kiệt.
9	Số 09/2015/NQ-HĐQT	15/9/2015	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc đầu tư xây dựng dự án Khu chăn nuôi tập trung lợn giống Dabaco ứng dụng công nghệ cao tại xã Lưu Kiếm, Thủy Nguyên, Hải Phòng. - Phê duyệt dự án đầu tư xây dựng đường giao thông đối ngoại Cảng bốc xếp hàng hóa tại xã Tân Chi, huyện Tiên Du. - Thành lập Công ty TNHH MTV do Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam làm chủ sở hữu để thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng KCN Quê Võ III, tỉnh Bắc Ninh. - Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để lấy ý kiến bằng văn bản. - Thông qua phương án vay vốn & đầu tư các thiết bị để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. - Một số nội dung khác.

Năm 2015, các phiên họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn và đúng Điều lệ, Quy chế quản trị công ty. HĐQT đã bám sát định hướng của Nghị quyết ĐHĐCĐ và tình hình thực tế của Tập đoàn, diễn biến của thị trường, kịp thời đưa ra các giải pháp hiệu quả, chỉ đạo thực hiện quyết liệt các giải pháp có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ đúng pháp luật, điều hành công ty vượt qua khó khăn, thách thức đạt mức tăng trưởng ổn định. Trong năm, HĐQT đã tổ chức 9 phiên họp tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ 2015, phê duyệt kế hoạch SXKD, đánh giá kết quả SXKD trong năm của từng đơn vị và toàn Tập đoàn, quyết định hạn mức vay vốn ngân hàng, các khoản đầu tư thuộc thẩm quyền của HĐQT, chi trả cổ tức và các vấn đề quan trọng khác của công ty, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư cũng như cơ quan quản lý có thể thực hiện tốt được chức năng giám sát, thanh tra, kiểm soát của mình.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập, không điều hành:

Các thành viên HĐQT độc lập, không điều hành đã thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ của mình, tham gia đầy đủ các phiên họp và các hoạt động của HĐQT, phát huy vai trò phản biện đối với các thành viên HĐQT khác và Ban điều hành.

e) Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

TT	Họ tên	Chức vụ	Số chứng nhận của chứng chỉ QTCT
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	13 QTCT 312/QĐ-TTNC
2	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	14 QTCT 312/QĐ-TTNC
3	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	90 QTCT 67/QĐ-TTNC
4	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT	39 QTCT 53/QĐ-TTNC
5	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	67 QTCT 53/QĐ-TTNC

Một số thành viên HĐQT mới được bầu vào nhiệm kỳ 2015-2020 dự kiến sẽ được cấp chứng chỉ về QTCT trong quý 1/2016.

2. BAN KIỂM SOÁT

a) Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng BKS	26.000	0,04%
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	2.100	0,003%
3	Bà Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	3.000	0,005%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Số Biên bản	Ngày họp	Nội dung họp
1	Số 01/2015/ BB-BKS	26/04/2015	- Thông báo kết quả Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015. Tiến hành bỏ phiếu bầu Trưởng Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát.
2	Số 02/2015/ BB-BKS	05/06/2015	- Thông báo quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc Công ty và một số cán bộ quản lý khác. - Thông báo quyết định thành lập mới hai công ty sản xuất lợn giống ở Phú Thọ và Hà Nam. - Thông báo sơ bộ kết quả sản xuất kinh doanh và các văn bản kết luận của Chủ tịch HĐQT. - Báo cáo đánh giá phân tích tài chính quý I/2015. - Đánh giá tình hình hoạt động của Ban.
3	Số 03/2015/ BB-BKS	20/10/2015	- Thông báo đánh giá tình hình SXKD quý 3/2015; - Thông qua báo cáo đánh giá phân tích BCTC Quý III năm 2015; - Kiểm điểm hoạt động 9 tháng đầu năm; - Thông qua kết luận và triển khai kế hoạch tháng 11, tháng 12 năm 2015 của Chủ tịch HĐQT.
4	Số 04/2015/ BB-BKS	20/12/2015	- Thông báo sơ bộ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015. - Thông báo chủ trương, định hướng kế hoạch năm 2016.

Ban kiểm soát có 3 thành viên, các thành viên đã thực hiện các nhiệm vụ theo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.

Đại diện Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và đóng góp ý kiến vào các cuộc họp của Hội đồng quản trị, theo sát tình hình hoạt động, định hướng phát triển của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.

Xem xét các báo cáo về công tác quản lý, điều hành, báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý năm 2015 và báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 của Công ty.

Ban kiểm soát duy trì chế độ họp định kỳ theo đúng quy định của pháp luật để các thành viên nắm bắt được chủ trương, chính sách của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc công ty. Đồng thời, thảo luận và đánh giá các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty, đảm bảo các chính sách, chủ trương được ban hành theo đúng quy định của pháp luật, định hướng do Đại hội đồng cổ đông và bảo vệ lợi ích của cổ đông.

Những chất vấn, yêu cầu của một số cổ đông được giải đáp thấu đáo trong phạm vi quyền hạn và theo đúng quy định của pháp luật.

Hàng quý, khi có Báo cáo tài chính Ban kiểm soát đều có báo cáo đánh giá phân tích độc lập khách quan.

c) Sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát với HĐQT và Ban điều hành



Hội đồng quản trị đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty khi có yêu cầu.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý của công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban kiểm soát đã phối hợp tốt với các đoàn kiểm tra của công ty triển khai công tác kiểm tra, giám sát tại các đơn vị thành viên công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

a) Tiền lương và thù lao của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2015 (chưa trừ thuế TNCN và BHXH, YT, TN):

Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	963.001.000	340.000.000
	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	642.587.000	220.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT, Phó TGD, Kế toán trưởng	474.442.000	220.000.000
3	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT, Phó TGD	441.612.000	220.000.000
4	Ông Nguyễn Đình Toàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	440.913.000	160.000.000
5	Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	220.000.000
6	Ông Trần Xuân Mạnh	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	160.000.000
7	Ông Lê Quốc Đoàn	Ủy viên HĐQT, không điều hành	-	160.000.000
8	Bà Nguyễn Thanh Hương	Ủy viên HĐQT, độc lập không điều hành	-	200.000.000
9	Ông Nguyễn Trọng Kịch	Phó TGD	474.559.000	-
10	Ông Phạm Văn Học	Phó TGD	273.797.000	-
11	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó TGD	474.559.000	-
12	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó TGD	576.702.000	-

Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương (VNĐ)	Tiền thù lao (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Văn Linh	Trưởng BKS	283.344.000	32.000.000
2	Ông Ngô Huy Tuệ	TV BKS	-	22.000.000
3	Đinh Thị Minh Thuận	TV BKS	-	12.000.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn năm 2015:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	Cổ đông lớn	6.000.000	9,56%	0	0%	Bán 6.000.000 CP ngày 05/01/2015
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	29.794	0,05%	6.029.794	9,61%	Mua 6.000.000 CP ngày 05/01/2015
3	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	6.029.794	9,61%	4.029.794	6,42%	Bán 2.000.000 CP từ ngày 08/01/2015 đến ngày 12/01/2015
4	Red River Holding	Cổ đông lớn	7.352.036	11,72%	0	0%	Bán 7.352.036 CP ngày 13/01/2015
5	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	265.600	0,42%	665.600	1,06%	Mua 400.000 CP ngày 27/01/2015
6	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch HĐQT	102.900	0,16%	702.900	1,12%	Mua 600.000 CP ngày 27/01/2015
7	Bà Nguyễn Thị Huệ Minh	Người được ủy quyền công bố thông tin	100.000	0,16%	500.000	0,8%	Mua 400.000 CP ngày 27/01/2015
8	Bà Nguyễn Hà Chi	Con gái ông Nguyễn Như So	0	0%	600.000	0,96%	Mua 600.000 CP ngày

							27/01/2015
9	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	9.412.057	15%	11.464.057	18,27%	Mua 2.052.000 CP ngày 10/02/2015
10	Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên HĐQT	66.000	0,11%	1.066.000	1,7%	Mua 1.000.000 CP ngày 10/02/2015
11	Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	Cổ đông lớn	4.029.794	6,42%	3.027.803	4,83%	Ngày 18/8/2015: Bán 1.003.500 CP và mua 1.509 CP
12	Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	63.000	0,1%	62.000	0,099%	Bán 1.000 CP ngày 07/10/2015
13	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	3.098.240	4,94%	3.207.740	5,11%	Mua 109.500 CP ngày 04/12/2015
14	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	3.207.740	5,11%	346.640	0,55%	Ngày 07/12/2015: Mua 138.900 CP, bán 3.000.000 CP
15	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	346.640	0,55%	3.734.740	5,95%	Ngày 28/12/2015: Mua 3.388.100 CP
16	Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI (SSIAM)	Cổ đông lớn	3.734.740	5,95%	3.810.140	6,07%	Ngày 30/12/2015: Mua 75.400 CP

c) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn thực hiện nghiêm túc Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ tài chính và các qui định về quản trị công ty theo Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đã ban hành.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 45



Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300105790, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 ngày 6 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

Tên chi nhánh

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh

Số 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh

Cửa hàng xăng dầu

Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên	
Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Toàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Xuân Mạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Ông Lê Quốc Đoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Ông Tạ Hữu Khôi	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Văn Lĩnh	Trưởng ban	
Ông Ngô Huy Tuệ	Thành viên	
Bà Đinh Thị Minh Thuận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thùy	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2015

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Khắc Thảo	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Như So	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Quận	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 15 tháng 7 năm 2015
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Kịch	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Học	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thế Tường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2015
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2015
Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18 tháng 5 năm 2015

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Như So.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Nguyễn Khắc Thảo
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc

Ngày 4 tháng 2 năm 2016

Số tham chiếu: 61063700/17684313-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn") được lập ngày 4 tháng 2 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 45, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Building a better
working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Trần Phú Sơn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1

Trịnh Xuân Hòa
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 4 tháng 2 năm 2016

BẢNG CẢN ĐÔI KÊ TOÁN HỢP NHẤT
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.118.937.874.056	2.976.238.692.579
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	146.261.183.367	280.739.533.245
111	1. Tiền		116.261.183.367	57.739.533.245
112	2. Các khoản tương đương tiền		30.000.000.000	223.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		273.332.627.489	88.000.555.552
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	273.332.627.489	88.000.555.552
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		425.348.123.473	455.150.881.361
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	296.400.072.023	335.191.044.826
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	57.356.490.783	75.332.734.273
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	71.591.560.667	44.627.102.262
140	IV. Hàng tồn kho		2.248.878.404.178	2.142.649.910.396
141	1. Hàng tồn kho	8	2.248.878.404.178	2.142.649.910.396
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		25.117.535.549	9.697.812.025
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	5.516.367.249	4.751.819.053
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	16	14.589.546.584	1.265.213.184
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		8.084.172	8.084.172
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		5.003.537.544	3.672.695.616
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.496.272.853.026	1.244.123.005.933
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		5.446.121.000	5.446.121.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	5.446.121.000	5.446.121.000
220	II. Tài sản cố định		1.166.313.800.521	1.059.424.277.933
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	898.255.375.494	866.681.028.014
222	Nguyên giá		1.533.094.314.920	1.371.359.941.227
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(634.838.939.426)	(504.678.913.213)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	268.058.425.027	192.743.249.919
225	Nguyên giá		320.989.635.113	209.517.057.577
226	Giá trị hao mòn lũy kế		(52.931.210.086)	(16.773.807.658)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	11	306.733.618.251	157.630.332.538
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		306.733.618.251	157.630.332.538
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		600.000.000	-
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		600.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		17.179.313.254	21.622.274.462
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	12.452.144.165	15.713.313.093
269	2. Lợi thế thương mại	14	4.727.169.089	5.908.961.369
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.615.210.727.082	4.220.361.698.512

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.668.763.190.851	2.390.099.865.524
310	I. Nợ ngắn hạn		2.410.964.470.019	2.214.923.420.923
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	533.868.654.105	720.922.656.238
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		18.943.829.017	25.525.142.293
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	30.261.135.514	50.119.681.767
314	4. Phải trả người lao động		36.330.229.654	30.944.486.013
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	104.281.720.548	74.801.656.976
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	158.578.359.433	60.412.836.790
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	1.509.505.245.347	1.221.524.135.425
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	20	19.195.296.401	30.872.825.421
330	II. Nợ dài hạn		257.798.720.832	175.176.444.601
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	8.842.868.300	7.284.668.300
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	248.955.852.532	167.891.776.301
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.946.447.536.231	1.830.261.832.988
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.946.447.536.231	1.830.261.832.988
411	1. Vốn cổ phần	21.1	627.419.230.000	627.419.230.000
411a	- Cổ phiếu cổ đông có quyền biểu quyết		627.419.230.000	627.419.230.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	21.1	418.432.992.221	418.432.992.221
418	3. Quỹ đầu tư phát triển	21.1	679.130.704.305	578.636.506.646
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.1	221.464.609.705	205.773.104.121
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		221.464.609.705	205.773.104.121
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.615.210.727.082	4.220.361.698.512

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 4 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	5.863.191.770.258	5.236.685.163.739
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(71.799.240.970)	(49.847.099.924)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	5.791.392.529.288	5.186.838.063.815
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(5.090.939.741.579)	(4.589.887.699.636)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		700.452.787.709	596.950.364.179
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	17.386.001.398	17.791.336.498
22	7. Chi phí tài chính	25	(123.034.853.426)	(122.944.276.822)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(94.146.779.399)	(117.394.205.455)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(148.137.106.928)	(110.836.389.729)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(164.055.888.832)	(132.572.721.606)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		282.610.939.921	248.388.312.520
31	11. Thu nhập khác	26	3.039.636.862	2.475.354.790
32	12. Chi phí khác	26	(2.033.366.403)	(1.707.339.001)
40	13. Lợi nhuận khác	25	1.006.270.459	768.015.789
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		283.617.210.380	249.156.328.309
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(30.781.639.175)	(43.383.224.188)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		252.835.571.205	205.773.104.121
61	17. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		252.835.571.205	205.773.104.121
62	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	4.030	3.102

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập

Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như Số
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 4 tháng 2 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		283.617.210.380	249.156.328.309
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định (TSCĐ) và lợi thế thương mại		170.939.603.794	131.388.295.201
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(902.800)	(5.302.481)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(16.051.321.449)	(16.603.361.933)
06	Chi phí lãi vay	25	94.146.779.399	117.394.205.455
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		532.651.369.324	481.330.164.551
09	Giảm các khoản phải thu		16.357.121.408	159.967.780.928
10	Tăng hàng tồn kho		(100.007.026.533)	(250.124.938.293)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(66.665.388.926)	233.431.450.894
12	Giảm chi phí trả trước		2.496.620.732	4.064.602.882
14	Tiền lãi vay đã trả		(95.806.088.875)	(117.715.037.478)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	28.1	(38.735.237.282)	(60.908.317.570)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	20	(22.843.550.982)	(16.424.514.775)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		227.447.818.866	433.621.191.139
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(324.946.255.183)	(227.663.168.823)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ		609.090.909	24.625.062.679
25	Tiền chi đầu tư vào khoản tiền gửi có kỳ hạn		(217.882.071.937)	(94.283.578.194)
26	Tiền thu hồi khoản tiền gửi có kỳ hạn		31.950.000.000	412.505.797.642
27	Tiền thu lãi tiền gửi		16.253.402.050	20.232.239.754
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư		(494.015.834.161)	135.416.353.058
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		4.565.503.703.990	4.060.103.720.607
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(4.270.220.651.135)	(4.321.983.510.088)
35	Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính		(37.710.444.238)	(75.773.977.426)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	21.2	(125.483.846.000)	(87.838.692.200)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		132.088.762.617	(425.492.459.107)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(134.479.252.678)	143.545.085.090
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		280.739.533.245	137.189.145.674
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		902.800	5.302.481
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	146.261.183.367	280.739.533.245



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như Sơn
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ngày 4 tháng 2 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2300105790, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp vào ngày 23 tháng 12 năm 2004 và theo các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 15 ngày 6 tháng 5 năm 2015.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất thức ăn chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản; sản xuất tinh gia súc;
- ▶ Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi; đại lý và kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- ▶ Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- ▶ Sản xuất, chế biến và kinh doanh thịt gia súc, gia cầm, thủy cầm; sản xuất, chế biến và kinh doanh thức ăn thủy sản; nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi; nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm và thủy sản;
- ▶ Kinh doanh siêu thị; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại số 35, đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh và các chi nhánh sau:

<i>Tên chi nhánh</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh
Cửa hàng xăng dầu	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là: 847 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 816 nhân viên).

Tính chất mùa vụ của hoạt động ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi và hoạt động chăn nuôi là dưới 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của hoạt động kinh doanh bất động sản, bao gồm hoạt động đầu tư khu công nghiệp là trên 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 23 công ty con, bao gồm:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
1	Công ty TNHH Lợn giống Hat nhân Dabaco	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi gia súc, gia cầm, sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò
2	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác
3	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc; sản xuất kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác
4	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Chăn nuôi gia công	100	Cụm Công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi, các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi, mua bán và đại lý
5	Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Chăn nuôi Lợn Dabaco	100	Công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi lợn thịt, chăn nuôi lợn sữa, lợn giống, hoạt động hỗ trợ chăn nuôi; sản xuất và kinh doanh mua bán lợn thịt, lợn giống, lợn thương phẩm
6	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Chăn nuôi và kinh doanh gà giống
7	Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Dabaco	100	Quốc lộ 38, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm; sản xuất thực phẩm và đồ uống
8	Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc	100	Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; chế biến và bảo quản rau quả; chế biến và bảo quản nông sản thực phẩm; bán buôn, bán lẻ; thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
9	Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco	100	Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao
10	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	100	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bao bì nhựa PP, PE, composit

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
11	Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	100	Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Mua bán, xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại
12	Công ty TNHH Bất động sản Dabaco	100	Tầng 3, tòa nhà Techcombank, đường Nguyễn Đăng Đạo, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Kinh doanh bất động sản; kinh doanh dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sản giao dịch chứng khoán bất động sản
13	Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Dabaco	100	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, mua bán và cho thuê xe, máy móc và thiết bị
14	Công ty TNHH Nutreco	100	Khu công nghiệp Đại Đồng - Hoàn Sơn, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
15	Công ty TNHH MTV Cảng Dabaco Tân Chi	100	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh	Khai thác và kinh doanh đá, cát, sỏi; mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa; cho thuê, kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi; đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ
16	Công ty TNHH Lợn Giống Hải Phòng (*)	100	Thôn Trại Viên, xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác
17	Công ty TNHH Lợn Giống Hà Nam (*)	100	Thôn Thương Vĩ, xã Nhân Chính, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác
18	Công ty TNHH Thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam (*)	100	Khu công nghiệp Hòa Mạc, thị trấn Hòa Mạc, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm, và thủy sản; kinh doanh thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu (%)	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong năm
19	Công ty TNHH Lợn giống Phú Thọ (*)	100	Khu 1, xã Tề Lễ, huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ	Chăn nuôi lợn, chăn nuôi gia cầm và một số loại gia súc khác; sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, ba ba và giống thủy sản khác
20	Công ty TNHH Xây dựng Đường Kinh Dương Vương 3 và Đường Trường Chinh	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ
21	Công ty TNHH Xây dựng Hồ điều hòa Văn Miếu Bắc Ninh	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ
22	Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường vành đai III và TL295B Từ Sơn	100	Số 35 đường Lý Thái Tổ, phường Võ Cường, thành phố Bắc Ninh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ
23	Công ty TNHH Đầu tư phát triển Khu công nghiệp EIP (*)	100	Thôn Guột, xã Việt Hùng, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, nhà, đường bộ; kinh doanh bất động sản

(*) Các công ty con này được thành lập trong năm 2015.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VNĐ") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là đồng Việt Nam (VNĐ).

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến các nghiệp vụ sau:

3.1.1 Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 ("Quyết định 15") và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Thông tư 200 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Tập đoàn áp dụng các thay đổi về chính sách kế toán theo quy định tại Thông tư 200 và có ảnh hưởng tới Tập đoàn trên cơ sở phi hồi tố do Thông tư 200 không yêu cầu áp dụng hồi tố đối với các thay đổi này. Tập đoàn cũng đã báo cáo lại dữ liệu tương ứng của năm trước đối với một số chỉ tiêu cho phù hợp với cách trình bày theo Thông tư 200 trong báo cáo tài chính hợp nhất năm nay như đã trình bày tại Thuyết minh số 33.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh (tiếp theo)

3.1.2 Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất thay thế phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 và có hiệu lực áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Bất động sản để bán

Bất động sản được xây dựng và phát triển để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của các bất động sản để bán bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng trả cho nhà thầu, chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nguyên vật liệu, thành phẩm thức ăn chăn nuôi và hàng hóa thương mại

Đối với con giống, gia súc và gia cầm chăn nuôi, Tập đoàn áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để ghi nhận hàng tồn kho. Đối với các loại hàng tồn kho khác, Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | | |
|--|---|--|
| Nguyên vật liệu, hàng hóa | - | Giá gốc được xác định dựa trên phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của thức ăn chăn nuôi | - | Giá gốc bao gồm nguyên vật liệu (được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền), chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ cho các thành phẩm theo tiêu chí hợp lý. |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian trích khấu hao của tài sản thuê tài chính như sau:

Máy móc và thiết bị	6 – 10 năm
---------------------	------------

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 2 đến 3 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.10 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- ▶ **Quỹ đầu tư và phát triển.**
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.
- ▶ **Quỹ khen thưởng và phúc lợi.**
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi bên bán đã chuyển giao phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành được xác nhận bởi người mua.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Tiền mặt	1.954.049.740	5.931.017.751
Tiền gửi ngân hàng	114.307.133.627	51.808.515.494
Các khoản tương đương tiền (*)	30.000.000.000	223.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>146.261.183.367</u>	<u>280.739.533.245</u>

(*) Đây là các khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - chi nhánh Bắc Ninh sẽ đáo hạn trước ngày 31 tháng 3 năm 2016 và hưởng lãi suất từ 4,5%/năm đến 6%/năm. Các khoản tương đương tiền này đang được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng này (Thuyết minh số 19).

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ (đồng thời là giá gốc)</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	273.332.627.489	88.000.555.552
TỔNG CỘNG	<u>273.332.627.489</u>	<u>88.000.555.552</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại và hưởng lãi suất từ 3%/năm đến 6%/năm, trong đó:

- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 53 tỷ đồng Việt Nam đã được dùng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 19);
- ▶ các khoản tiền gửi có giá trị chiếm 10% tổng dư nợ tín dụng (khoảng 9,8 tỷ đồng Việt Nam) tại Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ Việt Nam được dùng để cầm cố cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng này (Thuyết minh số 19); và
- ▶ khoản tiền gửi có giá trị là 5 tỷ đồng Việt Nam của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh đã được dùng để đảm bảo cho khoản vay của công ty con này tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Bắc Ninh (Thuyết minh số 19).

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải thu từ hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và các hoạt động khác	77.820.246.353	61.711.539.386
Phải thu từ hoạt động kinh doanh bất động sản	218.579.825.670	273.479.505.440
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Phải thu Công ty TNHH Thương mại Đầu tư Xây dựng Thành Lợi</i>	217.150.364.400	269.050.364.400
- <i>Các khoản phải thu khách hàng khác</i>	1.429.461.270	4.429.141.040
TỔNG CỘNG	296.400.072.023	335.191.044.826

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Trả trước cho người bán		
- <i>Trả trước Công ty TNHH Vạn Lợi</i>	12.968.433.500	-
- <i>Trả trước Ngô Văn Tồn</i>	7.637.001.006	10.613.080.000
- <i>Trả trước Nguyễn Thị Thanh</i>	6.241.870.000	-
- <i>Trả trước Công ty TNHH Đầu tư và Chế biến lương thực Thiên Ngọc</i>	-	10.000.000.000
- <i>Trả trước Công ty TNHH Nhật Quang</i>	-	9.210.009.000
- <i>Các khoản trả trước khác</i>	30.509.186.277	45.509.645.273
TỔNG CỘNG	57.356.490.783	75.332.734.273

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Phải thu ngắn hạn khác		
Kí cược, ký quỹ	40.708.128.367	17.429.200.274
Tạm ứng	24.613.020.493	19.282.555.296
Phải thu lãi tiền gửi	4.288.561.178	4.890.320.500
Phải thu khác	1.981.850.629	3.025.026.192
TỔNG CỘNG	71.591.560.667	44.627.102.262
Phải thu dài hạn khác		
Kí cược, ký quỹ cho mục đích thuê tài chính (*)	5.446.121.000	5.446.121.000
TỔNG CỘNG	5.446.121.000	5.446.121.000
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-

(*) Đây là khoản ký quỹ làm tài sản đảm bảo tại Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam cho một số hợp đồng thuê tài chính ký với công ty này (xem Thuyết minh số 19.3).

8. HÀNG TỒN KHO

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Hàng mua đang đi trên đường	180.361.241.263	221.058.228.052
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	525.865.748.846	527.837.205.890
Công cụ, dụng cụ	7.889.628.704	5.119.741.244
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.189.886.320.722	1.038.255.176.862
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động bất động sản</i>	623.727.243.806	567.686.772.893
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang hoạt động chăn nuôi và hoạt động khác</i>	566.159.076.916	470.568.403.969
Thành phẩm	296.355.267.001	294.754.926.420
<i>Thành phẩm hoạt động bất động sản</i>	256.361.583.418	256.134.064.872
<i>Thành phẩm hoạt động sản xuất và chăn nuôi</i>	39.993.683.583	38.620.861.548
Hàng hóa	48.520.197.642	55.624.631.928
TỔNG CỘNG	2.248.878.404.178	2.142.649.910.396
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, hàng tồn kho tại Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds tại Khu Công nghiệp Khắc Niệm, Bắc Ninh với giá trị tối thiểu tương đương 8 triệu USD được dùng làm tài sản thế chấp khoản vay từ Ngân hàng TNHH một thành viên ANZ Việt Nam (Thuyết minh số 19).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Trang thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	820.204.949.034	446.242.075.978	95.778.668.997	9.134.247.218	1.371.359.941.227
Mua trong năm	-	17.428.336.434	10.060.765.545	255.986.300	27.745.088.279
Đầu tư XD/CB hoàn thành	116.006.611.248	34.792.581.156	-	-	150.799.192.404
Tặng khác	-	-	224.272.727	-	224.272.727
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.846.600.000)	(607.484.717)	(105.095.000)	(5.559.179.717)
Giảm khác (*)	(11.475.000.000)	-	-	-	(11.475.000.000)
Số cuối năm	924.736.560.282	493.616.393.568	105.456.222.552	9.285.138.518	1.533.094.314.920
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết	9.826.864.544	67.662.786.568	18.508.549.500	3.840.476.932	99.838.677.544
Giá trị hao mòn:					
Số đầu năm	217.642.542.270	226.637.185.247	52.189.034.800	8.210.150.896	504.678.913.213
Khấu hao trong năm	69.208.497.629	50.419.312.804	13.705.305.579	267.293.074	133.600.409.086
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.727.803.156)	(607.484.717)	(105.095.000)	(3.440.382.873)
Số cuối năm	286.851.039.899	274.328.694.895	65.286.855.662	8.372.348.970	634.838.939.426
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	602.562.406.764	219.604.890.731	43.589.634.197	924.096.322	866.681.028.014
Số cuối năm	637.885.520.383	219.287.698.673	40.169.366.890	912.789.548	898.255.375.494
<i>Trong đó:</i>					
Tài sản sử dụng để cầm cố/thế chấp (**)	268.170.411.820	102.655.638.722	4.572.546.352	32.611.601	375.431.208.495

(*) Điều chỉnh giảm nguyên giá tài sản tương ứng với khoản hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống xử lý môi trường cho khu chăn nuôi tập trung từ UBND tỉnh Bắc Ninh.

(**) Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, một số tài sản cố định là nhà xưởng, máy móc thiết bị sản xuất và dây chuyền sản xuất thức ăn chăn nuôi với giá trị còn lại là khoảng 375,4 tỷ đồng Việt Nam đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	209.517.057.577	-	209.517.057.577
Thuê thêm trong năm	94.025.537.536	17.447.040.000	111.472.577.536
Số cuối năm	<u>303.542.595.113</u>	<u>17.447.040.000</u>	<u>320.989.635.113</u>
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Số đầu năm	16.773.807.658	-	16.773.807.658
Khấu hao trong năm	33.285.792.437	2.871.609.991	36.157.402.428
Số cuối năm	<u>50.059.600.095</u>	<u>2.871.609.991</u>	<u>52.931.210.086</u>
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	<u>192.743.249.919</u>	-	<u>192.743.249.919</u>
Số cuối năm	<u>253.482.995.018</u>	<u>14.575.430.009</u>	<u>268.058.425.027</u>

Công ty thuê hệ thống thiết bị chuồng trại chăn nuôi, hệ thống chế biến thực phẩm và các phương tiện vận chuyển theo các hợp đồng thuê tài chính ký với các công ty cho thuê tài chính. Cam kết liên quan đến các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được trình bày trong Thuyết minh số 19.3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Giá gốc (đồng thời là giá trị có thể thu hồi)</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)</i>
Dự án nhà làm việc, khách sạn cao tầng (*)	54.911.243.454	49.570.399.578
Dự án trung tâm thương mại Đền Đô (**)	41.367.865.599	615.503.962
Dự án nhà làm việc của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	33.213.885.864	12.275.410.375
Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi Nasaco Hà Nam (**)	44.995.750.198	-
Dự án lợn giống Dabaco Hải Phòng	25.454.545.000	-
Dự án khu xử lý môi trường tập trung Khắc Niệm	20.621.601.681	7.325.522.754
Dự án cảng Dabaco	17.930.722.727	1.065.352.727
Dự án đường Bách Môn - Lạc Vệ	16.046.360.705	7.128.883.433
Dự án hệ thống chuồng trại gà Dabaco Phú Thọ	15.474.341.705	8.083.165.090
Dự án siêu thị Thuận Thành	8.838.078.202	8.759.937.500
Dự án NM SX con giống công nghệ cao	7.804.228.001	-
Dự án hệ thống chuồng trại gà Yên Thế	6.898.511.790	5.054.179.455
Dự án mở rộng văn phòng Công ty	6.811.456.800	6.000.000.000
Dự án giống lợn Dabaco Hà Nam	6.101.394.727	-
Dự án kho nguyên liệu Hạp Lĩnh	-	18.391.456.726
Dự án bệnh viện Dabaco	-	14.612.491.687
Dự án trung tâm thương mại Dabaco Gia Bình	-	11.091.164.726
Dự án xí nghiệp gà hậu bị siêu trứng	-	6.004.052.727
Các dự án khác	263.631.798	1.652.811.798
TỔNG CỘNG	306.733.618.251	157.630.332.538

(*) Dự án này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh số 19.1).

(**) Các tài sản thuộc dự án này đang được dùng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn của Công ty (Thuyết minh số 19.2).

12. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay tổng cộng là 10,3 tỷ đồng Việt Nam với tỷ lệ vốn hóa là 5% (năm 2014: 10,5 tỷ đồng Việt Nam). Chi phí đi vay này chủ yếu bao gồm lãi vay phát sinh từ các khoản vay dùng để đầu tư cho dự án Khu Công nghiệp Quế Võ 3 và một số tài sản cố định của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	5.516.367.249	4.751.819.053
TỔNG CỘNG	<u>5.516.367.249</u>	<u>4.751.819.053</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	12.217.197.765	14.819.962.374
Chi phí trả trước dài hạn khác	234.946.400	893.350.719
TỔNG CỘNG	<u>12.452.144.165</u>	<u>15.713.313.093</u>

14. LỢI THÉ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>
	<i>Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang</i>
Nguyên giá:	
Số đầu năm	<u>11.817.922.747</u>
Số cuối năm	<u>11.817.922.747</u>
Phân bổ lũy kế:	
Số đầu năm	5.908.961.378
Phân bổ trong năm	<u>1.181.792.280</u>
Số cuối năm	<u>7.090.753.658</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	<u>5.908.961.369</u>
Số cuối năm	<u>4.727.169.089</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Giá trị (đồng thời là số có khả năng trả nợ)</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Phải trả nhà cung cấp nguyên vật liệu nước ngoài	309.978.316.690	543.407.502.031
Trong đó:		
- Crossland Marketing Pte Ltd	142.592.362.500	-
- International Asia	59.494.431.692	-
- Bunge Agribusiness Singapore Pte Ltd	-	305.572.917.219
- Sojitz Asia Pte Ltd	-	206.116.316.187
- Phải trả nhà cung cấp nước ngoài khác	107.891.522.498	31.718.268.625
Phải trả nhà cung cấp khác	223.890.337.415	177.515.154.207
TỔNG CỘNG	533.868.654.105	720.922.656.238

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp và được căn trừ với trong năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	10.389.253.491	28.730.150.461	(37.653.539.656)	1.465.864.296
Thuế thu nhập doanh nghiệp				
(Thuyết minh số 28.1)	30.531.526.092	30.781.639.175	(38.735.237.282)	22.577.927.985
Tiền sử dụng đất (*)	8.937.022.184	2.851.616.740	(5.597.768.921)	6.190.870.003
Thuế thu nhập cá nhân	-	154.073.216	(154.073.216)	-
Các loại thuế khác	261.880.000	459.132.554	(694.539.324)	26.473.230
TỔNG CỘNG	50.119.681.767	62.976.612.146	(82.835.158.399)	30.261.135.514
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>	<i>Số kê khai hoàn trong năm</i>	<i>Số được hoàn trong năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	1.265.213.184	13.324.333.400	-	14.589.546.584
TỔNG CỘNG	1.265.213.184	13.324.333.400	-	14.589.546.584

(*) Đây chủ yếu là tiền sử dụng đất còn lại của Dự án khu đô thị Đền Đô phải trả cho Ngân sách tỉnh Bắc Ninh (Thuyết minh số 32).

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Chiết khấu thương mại phải trả các đại lý	75.549.608.692	47.679.096.115
Chi phí xây dựng và phát triển bất động sản phải trả	24.368.378.906	22.776.767.687
Chi phí lãi vay phải trả	2.274.941.103	3.934.250.579
Chi phí phải trả khác	2.088.791.847	211.542.595
TỔNG CỘNG	104.281.720.548	74.601.656.976

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Ngắn hạn		
Nhận đặt cọc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng	100.362.160.000	-
Nhận hỗ trợ bình ổn giá từ UBND tỉnh Bắc Ninh dưới hình thức cho vay không lãi	25.000.000.000	20.000.000.000
Khoản hỗ trợ không hoàn lại của UBND tỉnh Bắc Ninh để xây dựng hệ thống xử lý môi trường cho khu chăn nuôi tập trung	24.636.994.000	36.111.994.000
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	3.789.215.836	3.101.642.694
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	4.789.989.597	1.199.200.096
TỔNG CỘNG	158.578.359.433	60.412.836.790
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.842.868.300	7.284.668.300
TỔNG CỘNG	8.842.868.300	7.284.668.300

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Vay và nợ ngắn hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.1)	1.407.715.157.417	1.140.459.092.285
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.2)	33.006.582.664	48.519.161.544
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19.3)	49.808.505.266	30.950.881.596
Vay đối tượng khác (Thuyết minh 19.4)	18.975.000.000	1.595.000.000
TỔNG CỘNG	1.509.505.245.347	1.221.524.135.425
Vay và nợ dài hạn		
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 19.2)	140.907.591.607	107.291.699.956
Nợ thuế tài chính (Thuyết minh số 19.3)	190.863.348.855	140.070.119.485
TỔNG CỘNG	331.770.940.462	247.361.819.441
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>82.815.087.930</i>	<i>79.470.043.140</i>
<i>Vay và nợ dài hạn</i>	<i>248.955.852.532</i>	<i>167.891.776.301</i>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Đơn vị tính: VNĐ

Các khoản vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VNĐ	1.407.715.157.417	Thời hạn vay là từ 4 đến 12 tháng. Lãi vay trả hàng tháng.	4,6% - 5,4%
TỔNG CỘNG	1.407.715.157.417		

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng ngắn hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất của 4 mảnh đất ở tỉnh Bắc Ninh ở Thuyết minh số 9 và chứng chỉ tiền gửi như đã được trình bày ở Thuyết minh số 5;
- ▶ Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn như trình bày ở Thuyết minh số 9 (đồng thời là tài sản đảm bảo cho khoản vay dài hạn tại ngân hàng này trong Thuyết minh số 19.2);
- ▶ Nhà xưởng và máy móc thiết bị tại Nhà máy Thức ăn Thủy sản Kinh Bắc và Thức ăn Gia súc Dabaco II ở Thuyết minh số 9;
- ▶ Hàng tồn kho như đã được trình bày tại Thuyết minh số 8;
- ▶ Khoản tiền gửi có kỳ hạn như trình bày ở Thuyết minh số 4 và các tài sản hình thành từ Dự án Nhà làm việc cao tầng ở Thuyết minh số 11;
- ▶ Hợp đồng cầm cố khoản tiền gửi như đã được trình bày ở Thuyết minh số 5; và
- ▶ Phần còn lại là tín chấp.

19.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Các khoản vay	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VNĐ	140.907.591.607	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 7 năm 2016 đến tháng 1 năm 2023. Lãi vay trả hàng tháng.	9,5% - 12%
TỔNG CỘNG	140.907.591.607		
<i>Trong đó</i>			
Vay dài hạn đến hạn trả	33.006.582.664		
Vay dài hạn	107.901.008.943		

Các tài sản sau được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng dài hạn:

- ▶ Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đầu tư nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn; nhà cửa vật kiến trúc của Trung tâm giống gia súc gia cầm; quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Dự án Trung tâm thương mại Dabaco Gia Bình; Dự án Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại Công ty TNHH Nasaco Hà Nam (Thuyết minh số 11); và toàn bộ bất động sản, công trình trên đất và máy móc thiết bị, động sản nằm trong 19.208 m² đất thuộc Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh (Thuyết minh số 9).
- ▶ Tài sản thuộc Dự án Trung tâm thương mại Đền Đò (Thuyết minh số 11).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.3 Nợ thuê tài chính

Chi tiết nợ thuê tài chính dài hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Công ty cho thuê</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Lãi suất năm</i>
Các khoản nợ thuê tài chính	190.863.348.855	Gốc vay được trả lần cuối trong giai đoạn từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 4 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.	8%-11% hoặc lãi suất 6 tháng đầu là 11%/năm, sau đó bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản + 2,4%/năm (được điều chỉnh mỗi 6 tháng)
Tổng cộng	190.863.348.855		
<i>Trong đó:</i>			
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>49.808.505.266</i>		
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>141.054.843.589</i>		

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>		
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>
<i>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>			
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	66.714.958.763	16.906.453.497	49.808.505.266
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>			
<i>Từ 1-5 năm</i>	163.330.097.997	22.556.528.221	140.773.569.776
<i>Trên 5 năm</i>	284.361.977	3.088.152	281.273.825
TỔNG CỘNG	230.329.418.737	39.466.069.870	190.863.348.867
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>		
	<i>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</i>	<i>Lãi thuê tài chính</i>	<i>Nợ gốc</i>
<i>Nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>			
<i>Từ 1 năm trở xuống</i>	45.190.540.300	14.239.658.704	30.950.881.596
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>			
<i>Từ 1-5 năm</i>	130.024.949.806	22.373.860.536	107.651.089.270
<i>Trên 5 năm</i>	1.508.971.307	40.822.688	1.468.148.619
TỔNG CỘNG	176.724.461.413	36.654.341.928	140.070.119.485

19.4 Vay đối tượng khác

Đây là các khoản vay tín chấp cá nhân với lãi suất từ 9% - 10%/năm. Lãi vay được trả hàng tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Đơn vị tính: VNĐ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số dư đầu năm	30.872.825.421	36.966.242.983
Trích lập trong năm (Thuyết minh số 21.1)	11.166.021.962	10.331.097.213
Sử dụng trong năm	<u>(22.843.550.982)</u>	<u>(16.424.514.775)</u>
Số dư cuối năm	<u>19.195.296.401</u>	<u>30.872.825.421</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn góp	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2014 (Trình bày lại)	627.419.230.000	418.432.992.221	486.850.936.663	189.955.359.398	1.722.658.518.282
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	205.773.104.121	205.773.104.121
- Phân bổ vào các quỹ	-	-	92.979.874.919	(92.979.874.919)	-
- Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(10.331.097.213)	(10.331.097.213)
- Chia cổ tức	-	-	-	(86.835.229.142)	(86.835.229.142)
- Tăng/(giảm) khác	-	-	(1.194.304.936)	190.841.876	(1.003.463.060)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 (Trình bày lại)	<u>627.419.230.000</u>	<u>418.432.992.221</u>	<u>578.636.506.646</u>	<u>205.773.104.121</u>	<u>1.830.261.832.988</u>
Năm nay					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2015 (Trình bày lại)	627.419.230.000	418.432.992.221	578.636.506.646	205.773.104.121	1.830.261.832.988
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	252.835.571.205	252.835.571.205
- Phân bổ vào các quỹ (*)	-	-	100.494.197.659	(100.494.197.659)	-
- Phân bổ quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(11.166.021.962)	(11.166.021.962)
- Chia cổ tức (*)	-	-	-	(125.483.846.000)	(125.483.846.000)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>627.419.230.000</u>	<u>418.432.992.221</u>	<u>679.130.704.305</u>	<u>221.464.609.705</u>	<u>1.946.447.536.231</u>

(*) Việc trích lập các quỹ và chia cổ tức trong năm được thực hiện theo các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2015 và số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 10 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đã góp		
Vào ngày 1 tháng 1	627.419.230.000	627.419.230.000
Tăng trong năm	-	-
Vào ngày 31 tháng 12	<u>627.419.230.000</u>	<u>627.419.230.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận đã công bố	125.483.846.000	87.838.692.200
Cổ tức cho năm 2013 (1.400VNĐ/cổ phần)	-	87.838.692.200
Cổ tức cho năm 2014 (1.500VNĐ/cổ phần)	94.112.884.500	-
Cổ tức cho năm 2015 (500VNĐ/cổ phần)	31.370.961.500	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	125.483.846.000	87.838.692.200
Cổ tức cho năm 2013	-	87.838.692.200
Cổ tức cho năm 2014	94.112.884.500	-
Cổ tức cho năm 2015	31.370.961.500	-

21.3 Cổ phiếu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Ngày 31 tháng 12 năm 2014	
	Số lượng	VNĐ	Số lượng	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông đã được góp vốn, đã phát hành và đang được lưu hành	62.741.923	627.419.230.000	62.741.923	627.419.230.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ (2014:10.000 VNĐ).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Tổng doanh thu	5.863.191.770.258	5.236.685.163.739
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng thành phẩm	5.045.175.428.350	4.406.249.045.418
Doanh thu bán hàng hóa	804.537.419.357	811.673.741.676
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp	13.478.922.551	18.762.376.645
Các khoản giảm trừ doanh thu	(71.799.240.970)	(49.847.099.924)
Chiết khấu thương mại	(64.732.546.487)	(43.192.893.020)
Giảm giá hàng bán	(138.854.545)	(405.498.182)
Hàng bán bị trả lại	(6.927.839.938)	(6.248.708.722)
Doanh thu thuần	<u>5.791.392.529.288</u>	<u>5.186.838.063.815</u>
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng thành phẩm	4.973.515.041.925	4.356.807.443.676
Doanh thu bán hàng hóa	804.537.419.357	811.673.741.676
Doanh thu cung cấp dịch vụ xây lắp	13.340.068.006	18.356.878.463

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.651.642.728	16.899.076.482
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.450.187.683	607.448.215
Doanh thu hoạt động tài chính khác	284.170.987	284.811.801
TỔNG CỘNG	<u>17.386.001.398</u>	<u>17.791.336.498</u>

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.336.497.403.538	3.820.518.489.064
Giá vốn của hàng hóa đã bán	746.481.693.969	752.874.887.243
Giá vốn của dịch vụ xây lắp	7.960.644.072	16.494.323.329
TỔNG CỘNG	<u>5.090.939.741.579</u>	<u>4.589.887.699.636</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	148.137.106.928	110.836.389.729
- Chi phí vật liệu và công cụ dụng cụ	8.784.401.492	6.572.501.431
- Chi phí nhân công	54.373.917.045	40.682.640.465
- Chi phí vận chuyển, bốc vác	21.155.660.197	15.828.694.425
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.271.376.046	11.426.064.828
- Chi phí quảng cáo, khuyến mại	9.226.116.501	6.902.993.216
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.578.674.554	18.389.798.534
- Chi phí khác	14.746.961.093	11.033.696.830
Chi phí quản lý doanh nghiệp	164.055.888.832	132.572.721.606
- Chi phí văn phòng phẩm	15.084.340.217	11.280.025.138
- Chi phí nhân công	67.267.009.709	58.678.908.530
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.890.161.255	14.328.073.987
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.208.368.079	35.659.853.466
- Chi phí khác	16.606.009.572	12.625.860.485
TỔNG CỘNG	312.192.995.760	243.409.111.335

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	94.146.779.399	117.394.205.455
Lỗ chênh lệch tỷ giá	23.723.657.990	827.717.832
Phí mở thư tín dụng	5.164.416.037	4.722.353.535
TỔNG CỘNG	123.034.853.426	122.944.276.822

26. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Thu nhập khác	3.039.636.862	2.475.354.790
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	609.090.909	110.426.452
Thu nhập khác	2.430.545.953	2.364.928.338
Chi phí khác	(2.033.366.403)	(1.707.339.001)
Chi phí khác	(2.033.366.403)	(1.707.339.001)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.006.270.459	768.015.789

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.821.153.381.700	4.310.550.983.456
Chi phí nhân công	301.596.554.632	241.747.935.190
Chi phí khấu hao và hao mòn	170.939.603.794	131.388.295.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.441.813.813	81.221.215.772
Chi phí khác	100.964.878.382	68.388.381.351
TỔNG CỘNG	<u>5.500.096.232.321</u>	<u>4.833.296.810.970</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty và các công ty con trong năm hiện tại là 15% lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động sản xuất thức ăn chăn nuôi và 22% cho các hoạt động khác (năm 2014: 20% đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi và 22% cho các hoạt động khác), ngoại trừ các công ty con sau:

- ▶ Công ty TNHH Hiệp Quang được hưởng thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 20% trong vòng 10 năm từ năm 2007 đến năm 2017 theo Giấy chứng nhận đầu tư; và
- ▶ Các công ty con bao gồm Công ty TNHH Lợn Giống Lạc Vệ, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển gia công gà, Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Gia công lợn, Công ty TNHH Gà giống Dabaco và Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân là đối tượng được miễn thuế TNDN trong thời gian 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế theo các Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp trong năm 2014.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	283.617.210.380	249.156.328.309
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Phân bổ lợi thế thương mại	1.181.792.283	1.181.792.278
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con	(3.975.824.919)	(5.283.792.970)
Các khoản lỗ của các công ty con không chịu thuế	15.418.885.682	30.121.914.688
Chi phí khấu hao ứng với phần vượt định mức	908.619.953	-
Các khoản chi phí khác	26.551.859	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa cần trừ lỗ năm trước	297.175.235.238	275.176.242.305
Lỗ thuế năm trước của các công ty con chuyển sang	(4.344.503.266)	(33.247.349.583)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	292.830.731.972	241.928.892.722
Trong đó:		
Thu nhập được ưu đãi không chịu thuế	93.429.271.248	27.491.590.424
Thu nhập chịu thuế suất 15%	184.979.964.724	-
Thu nhập chịu thuế suất 20%	9.713.150.385	189.649.115.881
Thu nhập chịu thuế suất 22%	4.708.345.615	24.788.186.417
Thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm	30.725.460.820	43.383.224.188
Điều chỉnh thuế TNDN năm trước theo biên bản Kiểm toán Nhà nước	56.178.355	-
Chi phí thuế TNDN phải nộp ước tính trong năm	30.781.639.175	43.383.224.188
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	30.531.526.092	48.056.619.474
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(38.735.237.282)	(60.908.317.570)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	22.577.927.985	30.531.526.092

28.2 Lỗ chuyển sang từ năm trước

Công ty và các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 113.798.142.846 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 102.723.760.430 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

					Đơn vị tính: VND	
Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (1)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31/12/2015	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31/12/2015	
2012	2017	24.711.666.236	(4.344.503.266)	-	20.367.162.970	
2013	2018	47.890.179.507	-	-	47.890.179.507	
2014	2019	30.121.914.687	-	-	30.121.914.687	
2015	2020	15.418.885.682	-	-	15.418.885.682	
TỔNG CỘNG		118.142.646.112	(4.344.503.266)	-	113.798.142.846	

(1) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con và chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với khoản lỗ thuế của các công ty con do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lương và thưởng	6.766.915.000	5.928.254.000
TỔNG CỘNG	6.766.915.000	5.928.254.000

30. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	252.835.571.205	205.773.104.121
Ảnh hưởng suy giảm do chi phí lãi vay phát sinh từ trái phiếu chuyển đổi	-	-
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh số 20)	-	(11.166.021.962)
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	252.835.571.205	194.607.082.159
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	62.741.923	62.741.923
Ảnh hưởng suy giảm do trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm.	62.741.923	62.741.923

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2014 đã được điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2015. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2015 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Toàn bộ các hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

Đơn vị tính: VNĐ

	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	3.309.494.836.116	13.340.068.006	2.468.557.625.166	-	5.791.392.529.288
Doanh thu thuần từ bán hàng và chung cấp dịch vụ cho các bộ phận	1.008.767.610.850	29.310.622.391	1.319.312.261.608	(2.357.390.494.849)	-
Tổng cộng	4.318.262.446.966	42.650.690.397	3.787.869.886.774	(2.357.390.494.849)	5.791.392.529.288
Kết quả					
Lợi nhuận trước thuế	237.295.530.141	(1.218.437.869)	97.608.339.959	(50.068.221.851)	283.617.210.380
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(29.042.653.756)	(6.479.855)	(1.732.505.564)	-	(30.781.639.175)
Lợi nhuận thuần sau thuế	208.252.876.385	(1.224.917.724)	95.875.834.395	(50.068.221.851)	252.835.571.205
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	2.614.348.749.107	1.141.774.164.368	1.097.495.616.382	(238.407.802.775)	4.615.210.727.082
Tài sản bộ phận	2.614.348.749.107	1.141.774.164.368	1.097.495.616.382	(644.959.784.541)	4.208.658.745.316
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	406.551.981.766	406.551.981.766
Tổng nợ phải trả	2.336.254.876.706	162.207.294.332	815.260.804.354	(644.959.784.541)	2.668.763.190.851
Nợ phải trả bộ phận	2.336.254.876.706	162.207.294.332	815.260.804.354	(644.959.784.541)	2.668.763.190.851

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

Đơn vị tính: VND

	Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ xây lắp	Sản xuất con giống, chăn nuôi, chế biến thực phẩm và các hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần					
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài (Trình bày lại)	3.149.793.957.570	18.356.878.463	2.018.687.227.782	-	5.186.838.063.815
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bộ phận	1.737.556.828.249	33.043.060.084	540.446.200.828	(2.311.046.089.161)	-
Tổng cộng	4.887.350.785.819	51.399.938.547	2.559.133.428.610	(2.311.046.089.161)	5.186.838.063.815
Kết quả					
Lợi nhuận trước thuế	232.163.516.131	(1.234.925.084)	43.072.417.325	(24.844.680.063)	249.156.328.309
Chi phí thuế TNDN hiện hành	42.535.377.191	79.624.252	768.222.745	-	43.383.224.188
Lợi nhuận thuần sau thuế	189.628.138.940	(1.314.549.336)	42.304.194.580	(24.844.680.063)	205.773.104.121
Tài sản và nợ phải trả					
Tổng tài sản	2.640.805.950.424	1.167.338.316.690	930.349.982.313	(518.132.550.915)	4.220.361.698.512
Tài sản bộ phận	2.640.805.950.424	1.167.338.316.690	930.349.982.313	(886.872.639.712)	3.851.621.609.715
Tài sản không phân bổ (*)	-	-	-	-	368.740.088.797
Tổng nợ phải trả	2.150.720.477.911	132.967.067.403	655.752.358.788	(549.340.038.578)	2.390.099.865.524
Nợ phải trả bộ phận	2.150.720.477.911	132.967.067.403	655.752.358.788	(549.340.038.578)	2.390.099.865.524

(*) Tài sản không phân bổ chủ yếu bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có các cam kết về chi phí xây dựng và phát triển các bất động sản theo hợp đồng với các nhà thầu xây lắp với số tiền khoảng 377,4 tỷ đồng Việt Nam.

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	1.928.981.082	1.928.981.082
Trên 1 – 5 năm	9.522.757.410	9.522.757.410
Trên 5 năm	78.355.336.362	80.294.496.444
TỔNG CỘNG	89.807.074.854	91.746.234.936

Tiền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Đền Đô

Theo Quyết định số 275/QĐ-UBND ngày 10 tháng 2 năm 2010, Công ty đã trúng thầu đấu giá quyền sử dụng đất của Dự án Khu đô thị Đền Đô ("Dự án"). Theo đó, Công ty được phê duyệt là chủ đầu tư để phát triển Dự án và sẽ được bàn giao 6,3 hecta đất bao gồm cả hạ tầng kỹ thuật.

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2010, Liên danh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Hương Thịnh đã ký kết Hợp đồng số 02/HĐ-XD với Ban Quản lý các Dự án Xây dựng thị xã Từ Sơn để cung cấp dịch vụ xây lắp hạ tầng kỹ thuật của Dự án. Theo hợp đồng này, phần kinh phí thực hiện xây dựng cơ sở hạ tầng của Dự án Khu đô thị Đền Đô sẽ được thanh toán cho Công ty thông qua việc bù trừ với tiền sử dụng đất mà Công ty phải nộp cho ngân sách (theo hình thức ghi thu, ghi chi vào ngân sách nhà nước) dựa trên khối lượng giá trị xây lắp cơ sở hạ tầng của Dự án đã được hoàn thành và nghiệm thu với chủ đầu tư.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014, khoản tiền sử dụng đất của Khu đô thị Đền Đô còn lại chưa được thanh toán bằng hình thức bù trừ nêu trên lần lượt là 4.188.818.000 đồng Việt Nam và 7.599.894.784 đồng Việt Nam.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng việc thanh toán tiền sử dụng đất phụ thuộc vào tiến độ quyết toán phần hạ tầng kỹ thuật của Dự án với địa phương, nên Công ty sẽ không phải chịu bất cứ một khoản phạt hay chi phí phát sinh nào liên quan đến sử dụng đất của Dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. PHÂN LOẠI LẠI DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Một số khoản mục tương ứng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đã được phân loại và trình bày lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 trên báo cáo tài chính hợp nhất kỳ hiện tại. Chi tiết như sau:

	<i>Đơn vị tính: VNĐ</i>		
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại (được trình bày lại)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (đã được trình bày trước đây)</i>	<i>Trình bày lại (được trình bày lại)</i>	<i>Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014</i>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất			
Đầu tư ngắn hạn	88.000.555.552	(88.000.555.552)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	88.000.555.552	88.000.555.552
Phải thu khác	7.915.346.692	36.711.755.570	44.627.102.262
Tài sản ngắn hạn khác	40.384.451.186	(36.711.755.570)	3.672.695.616
Phải thu dài hạn khác	-	5.446.121.000	5.446.121.000
Tài sản dài hạn khác	5.446.121.000	(5.446.121.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	495.342.485.153	83.294.021.493	578.636.506.646
Quỹ dự phòng tài chính	83.294.021.493	(83.294.021.493)	-
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.285.937.484.946	(49.252.321.207)	5.236.685.163.739
Các khoản giảm trừ doanh thu	(167.166.736.924)	117.319.637.000	(49.847.099.924)
Giá vốn hàng bán	(4.530.703.274.465)	(59.184.425.171)	(4.589.887.699.636)
Thu nhập khác	95.057.306.810	(92.581.952.020)	2.475.354.790
Chi phí khác	(85.406.400.399)	83.699.061.398	(1.707.339.001)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.280	(178)	3.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Nguyễn Thị Thanh Huyền
Người lập



Nguyễn Thị Thu Hương
Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng



Nguyễn Như Sơ
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 4 tháng 2 năm 2016

